

**Phụ lục 01: BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ**  
**Đánh giá thực trạng sản xuất lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2021-2025,**  
**định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030**

**I. Đánh giá thực trạng trồng trọt giai đoạn 2021-2025**

***1. Về giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm, giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích trồng trọt, tỷ trọng cơ cấu trồng trọt trong nội ngành nông nghiệp.***

Sản xuất trồng trọt tại Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2025 đóng vai trò chủ đạo là "trụ đỡ" cho nền kinh tế nông nghiệp của tỉnh, đảm bảo an ninh lương thực, cung cấp thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tạo việc làm và từng bước phát triển theo hướng nông nghiệp xanh, hữu cơ, bền vững, hướng đến nông nghiệp công nghệ cao và chuỗi giá trị gia tăng.

- Về giá trị sản xuất:

+ Theo giá hiện hành: Giá trị sản xuất trồng trọt tăng từ 8.179,519,23 triệu đồng năm 2020 lên 10.770.344,61 triệu đồng năm 2024 (riêng năm 2025 vụ Hè Thu bị ảnh hưởng mưa bão nên chỉ đạt 10.233.147,3 triệu đồng). Trong đó cây trồng hàng năm tăng từ 5.839,975,99 triệu đồng năm 2020 lên 7.765.369,84 triệu đồng năm 2024 (năm 2025 vụ Hè Thu bị ảnh hưởng mưa bão nên chỉ đạt 7.156.278,5 triệu đồng); Cây trồng lâu năm tăng từ 2.339.543,24 triệu đồng năm 2020 lên 3.076.868,86 triệu đồng năm 2025.

+ Theo giá so sánh: Giá trị sản xuất trồng trọt tăng từ 5.351.433,61 triệu đồng năm 2020 lên 6.260.692,26 triệu đồng năm 2024 (riêng năm 2025 vụ Hè Thu bị ảnh hưởng mưa bão nên chỉ đạt 5.829.520 triệu đồng). Trong đó cây trồng hàng năm tăng từ 4.021.418,79 triệu đồng năm 2020 lên 4.428.143,95 triệu đồng năm 2024 (năm 2025 vụ Hè Thu bị ảnh hưởng mưa bão nên chỉ đạt 3.970.903,9 triệu đồng); Cây trồng lâu năm tăng từ 1.330.014,82 triệu đồng năm 2020 lên 1.858.616,2 triệu đồng năm 2025.

- Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp tăng 24,12 triệu đồng/ha/năm (năm 2020 đạt 79,18 triệu đồng/ha/năm, năm 2025 đạt 103,3 triệu đồng/ha/năm).

- Tỷ trọng cơ cấu trồng trọt trong nội ngành nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ): Sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Giá trị sản xuất trồng trọt trong nội ngành trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ theo giá hiện hành năm 2020 chiếm 41,46% tăng lên chiếm 46,37% năm 2024 (riêng năm 2025 đạt 44,54%).

- Giá trị sản xuất các loại cây trồng chính theo giá hiện hành: Lúa 3.941.531,4 triệu đồng chiếm 38,52%, cây ăn quả có múi 1.775.682,6 triệu đồng chiếm 17,36%, rau hoa các loại 1.363.123,51 triệu đồng chiếm 13,32%, sắn và khoai lang 432.820,45 triệu đồng chiếm 4,23%,...

- Sản lượng lương thực có hạt tăng từ 580.394 tấn năm 2020 lên năm 670.779 tấn năm 2024 (tăng 90.385 tấn tương ứng 15,6%), riêng năm 2025 chỉ đạt 560.443 tấn do thời điểm thu hoạch lúa vụ Hè Thu bị ảnh hưởng bão số 5, số 6 gây ngập lụt, đổ ngã làm giảm sản lượng thu hoạch.

## 2. Đánh giá chung

Tổng diện tích các loại cây trồng tương đối ổn định hàng năm khoảng 187.100 ha (năm 2025 tổng diện tích cây hàng năm 156.419 ha, cây lâu năm 30.690 ha). Các sản phẩm chủ lực có lợi thế được ưu tiên cao, tập trung phát triển mạnh, bao gồm: Lúa, rau củ quả các loại, ngô, lạc, cam, bưởi, chè công nghiệp, dứa. Giai đoạn 2020 - 2025, diện tích sản xuất lúa, cây ăn quả có múi, chè công nghiệp ổn định, diện tích sản xuất các loại cây trồng cạn có sự chuyển dịch, thay đổi hàng năm tùy thuộc vào điều kiện sản xuất, thời tiết và nhu cầu tiêu dùng, chăn nuôi; diện tích ngô lấy hạt, ngô sinh khối tăng; diện tích lạc, đậu giảm dần; mở rộng mô hình liên kết sản xuất dứa; áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đã góp phần tăng nhanh năng suất các loại cây trồng, tăng sản lượng, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nội tỉnh và an ninh lương thực.

- Công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, vật tư nông nghiệp được tăng cường chỉ đạo; đã ban hành các cơ chế, chính sách, kế hoạch, đề án để triển khai tổ chức thực hiện và đẩy mạnh chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu giống theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung. Năm 2025 tiếp tục đánh dấu sự tập trung chuyển đổi cơ cấu giống và thời vụ, chuyển căn bản từ sản xuất Hè Thu - Mùa truyền thống sang sản xuất vụ Hè Thu; cơ bản bỏ trà xuân trung với nhóm giống có thời gian sinh trưởng trên 135 ngày. Từng bước tổ chức lại sản xuất lúa, phát triển nhanh các mô hình phá bờ vùng, ô thửa, dồn điền, đổi thửa, tập trung tích tụ ruộng đất; sản xuất theo hướng “1 cánh đồng, 1 giống, 1 thời vụ, 1 quy trình canh tác”, áp dụng cơ giới hóa các khâu làm đất, thu hoạch, vận chuyển,... để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

- Ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt tiếp tục được đẩy mạnh, đặc biệt trong khâu giống, canh tác, cơ giới hóa và quản lý chất lượng. Một số tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới thích ứng biến đổi khí hậu được triển khai vào sản xuất, góp phần tăng năng suất, chất lượng, thay đổi tập quán canh tác và nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường (Sản xuất theo các tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường (VietGap, hữu cơ); tưới tiết kiệm, tưới phun mưa, phun sương mù tạo ẩm cho các vùng sản xuất rau, củ, quả, cây ăn quả, chè; công nghệ nhà màng trong sản xuất rau, hoa; bao quả cho cây ăn quả; quy trình thụ phấn bổ sung, thâm canh cây bưởi Phúc Trạch...; kỹ thuật thâm canh lúa cải tiến SRI, 3 giảm-3 tăng, tưới ngập khô xen kẽ... trên cây lúa, phòng trừ tổng hợp sâu bệnh IPM..).

- Hình thành và phát triển các vùng sản xuất tập trung được triển khai gắn liền kết sản xuất. Tiến hành xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao và vùng cây ăn quả (cam, bưởi, dứa...) tại các khu vực có lợi thế về đất đai và thủy lợi, theo mô hình liên kết sản xuất, từng bước hình thành thương hiệu nông sản đặc trưng của địa phương (Liên kết sản xuất lúa với công ty Quế Lâm, liên kết sản xuất chè với Công ty CP Chè Hà Tĩnh, liên kết sản xuất dứa với Công ty Đồng Giao,...).

- Nhận thức của người sản xuất từng bước được nâng cao về quy trình sản xuất sản phẩm an toàn, chất lượng, trách nhiệm trong liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, sản xuất theo nhu cầu thị trường, khoa học phát triển giúp người dân dễ dàng tiếp cận và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới.

- Các cây trồng chủ lực phát huy được lợi thế có giá trị gia tăng cao nên diện tích tăng nhanh như cam, bưởi, chè,..vượt chỉ tiêu; năng suất các loại cây trồng ngày càng tăng. Nhìn chung, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ và ứng dụng khoa học công nghệ trong trồng trọt đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống người dân

## **2. Kết quả cụ thể đối với từng cây trồng**

### **2.1. Cây lúa**

- Diện tích, năng suất, sản lượng: Diện tích sản xuất giai đoạn 2020 - 2025 tương đối ổn định, bình quân khoảng 104.500 ha, năm 2025 diện tích đạt 104.789 ha; phân bố tập trung tại các vùng có truyền thống sản xuất, thâm canh lúa, có 22 xã diện tích sản xuất lúa hằng năm trên 2.000 ha (Đức Thịnh, Kỳ Anh, Can Lộc, Gia Hanh, Trường Lưu, Đồng Lộc, Cẩm Xuyên, Cẩm Bình,...) và 20 xã diện tích sản xuất lúa hằng năm từ 1.000 ha - 2.000 ha. Năng suất bình quân tăng dần từ 51,4 tạ/ha năm 2020 tăng lên 57,32 tạ/ha năm 2024; sản lượng năm 2024 đạt 598.137 tấn tăng 64.000 tấn so với năm 2020 (riêng năm 2025 chịu ảnh hưởng nặng nề của bão lũ nên năng suất bình quân chỉ đạt 46,58 tạ/ha, sản lượng đạt 488.156 tấn); thị trường giá cả lúa gạo giai đoạn 2020 - 2025 có xu hướng tăng, góp phần mang lại thu nhập khá cao cho người sản xuất.

- Cơ cấu mùa vụ: sản xuất lúa vụ Mùa chuyển dịch dần sang sản xuất lúa vụ Hè Thu nhờ hệ thống thủy lợi được cải thiện, góp phần rút ngắn thời vụ, tăng sản lượng và né tránh thiên tai. Năm 2020 sản xuất lúa có 3 vụ (vụ Xuân chiếm 57,1 %, vụ Hè Thu 42,4%, vụ Mùa 5% với diện tích 518 ha); đến năm 2025 sản xuất lúa cơ bản còn 2 vụ (vụ Xuân 56,6%, vụ Hè Thu 43,4%).

- Cơ cấu giống: Vụ Xuân cơ cấu giống theo hướng bỏ trà Xuân trung (từ 8,4% năm 2020 xuống còn 0,8% năm 2025), sản xuất cơ bản sử dụng các giống lúa năng suất, chất lượng cao, thời gian sinh trưởng dưới 135 ngày. Vụ Hè Thu sử dụng giống ngắn ngày, có năng suất, chất lượng, thời gian sinh trưởng dưới 105 ngày để kịp thời vụ, né tránh mưa lũ cuối vụ. Việc sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, chất lượng tốt và có tính thích ứng rộng, chống chịu sâu bệnh tốt góp phần tăng hiệu quả canh tác, xác định được bộ giống chủ lực trong từng mùa vụ góp phần tăng năng suất và hiệu quả sản xuất lúa.

- Tỷ lệ sử dụng giống lúa cấp xác nhận trở lên tăng từ 22% năm 2020 lên 30% năm 2025 (khoảng 1.800 - 2.000 tấn); lượng giống còn lại khoảng 70% do người dân tự để giống, đặc biệt là vụ Hè Thu (tỷ lệ người dân sử dụng giống tự để lên tới trên 90%).

- Công tác sản xuất giống: Hiện nay trên địa bàn có 2 công ty sản xuất giống lúa (Công ty CP Giống cây trồng và Thương mại Hà Tĩnh và Công ty TNHH MTV giống và Vật tư nông nghiệp Mitraco), hàng năm sản xuất được khoảng 200 tấn giống lúa Nếp 98, BT09, Khang dân 18, Xuân Mai.

- Tổ chức sản xuất lúa sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa tập trung, tích tụ ruộng đất: Lũy kế đến nay toàn tỉnh đã thực hiện trên 13.092 ha (đạt 87,28% mục tiêu NQ 06 đề ra). Sau khi tập trung, tích tụ đã hình thành nhiều cánh đồng lớn, sản xuất theo hướng “một giống, một thời vụ, một quy trình canh tác” tạo sản phẩm hàng hóa đồng nhất; thuận lợi trong việc thực hiện cơ giới hóa (làm

đất, thu hoạch, phun thuốc bảo vệ thực vật...), điều tiết thủy lợi, điều tra phát hiện và phòng trừ sâu bệnh; giảm dần lao động trong sản xuất nông nghiệp, tăng hiệu quả kinh tế. Hiệu quả sản xuất sau tích tụ ruộng đất, các năm gần đây sản xuất lúa được mùa liên tục, năng suất ngày càng cao (năm 2020 năng suất bình quân đạt 51,62 tạ/ha đến năm 2024 đạt 57,14 tạ/ha, vụ Xuân 2025 đạt 61,4 tạ/ha). Năng suất bình quân các vùng sau khi tích tụ tăng từ 3-5%, giảm chi phí công lao động từ 1,5 - 2 triệu đồng/ha, tăng hiệu quả kinh tế từ 2,5 - 3 triệu đồng/ha, tăng khoảng 10-15% so với sản xuất đại trà (xã Toàn Lưu, Kỳ Anh, Kỳ Khang, Thiên Cầm, Xuân Lộc,...); thuận lợi cho các thương lái thu mua lúa tươi tại ruộng với tổng lượng khoảng 100.000 tấn/năm góp phần quan trọng trong việc tiêu thụ sản phẩm và giảm áp lực đối với công tác bảo quản sau thu hoạch.

- Giá trị sản xuất lúa trên đơn vị diện tích đạt khoảng 90-95 triệu đồng/ha/năm.

## 2.2. Cây ăn quả có múi

- Diện tích, năng suất, sản lượng: Năm 2025 tổng diện tích cam, bưởi 10.929 ha (cam 6.837 ha, bưởi 4.102 ha), sản lượng 108.154 tấn, tăng 34.687 tấn so với năm 2020; giai đoạn 2020-2025, cây ăn quả có múi cơ bản ổn định diện tích, tập trung thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng, là giai đoạn có sản lượng đạt cao nhất từ trước tới nay.

+ Cây cam: Năm 2025, diện tích 6.837 ha; diện tích cho sản phẩm 6.377 ha, tăng 918 ha so năm 2020; năng suất đạt 107,67 tạ/ha, tăng 20,36 tạ/ha so với năm 2020; sản lượng 68.662 tấn, tăng 20.997 tấn so với năm 2020. Diện tích trồng tập trung tại các xã Kim Hoa 1.400 ha, Thượng Đức 745 ha, Vũ Quang 693 ha, Hương Đô 624 ha, Mai Hoa 418 ha, Đồng Lộc 355 ha,... Trong đó cây cam bù diện tích khoảng 1.500 ha, sản lượng 15.600 tấn; tập trung ở Kim Hoa, Thượng Đức,...

+ Cây bưởi: Năm 2025, diện tích 4.092 ha, tăng 417 ha so năm 2020; diện tích cho sản phẩm 3.611 ha, tăng 1.149 ha so năm 2020; năng suất đạt 109,38 tạ/ha, tăng 4,58 tạ/ha so với năm 2020; sản lượng 39.492 tấn, tăng 13.690 tấn so với năm 2020. Diện tích trồng tập trung tại các xã Phúc Trạch 790 ha, Hương Phố 531 ha, Hương Đô 426 ha, Hà Linh 320 ha, Hương Bình 240 ha, Hương Khê 211 ha, Hương Xuân 203 ha, Đồng Lộc 134 ha, Sơn Tiến 129 ha, Kim Hoa 114 ha.... Cơ cấu loại bưởi: Phúc Trạch 80%, còn lại là các giống bưởi khác như: bưởi Da xanh, bưởi Diễn...

- Giống cây ăn quả có múi: Chủ yếu được sản xuất thông qua kỹ thuật nhân giống vô tính (chiết, ghép, giâm cành,...), nguồn vật liệu được lựa chọn từ những vườn, những cây đầu dòng hoặc cây có chất lượng tốt, sau đó nhân ra. Nguồn giống do các đơn vị cung ứng như Viện nghiên cứu Rau quả, Cơ sở bảo tồn quỹ gen và nhân giống bưởi Phúc Trạch, Công ty TNHH Tân Thanh Phong, Trại thực nghiệm và nhân giống cây ăn quả, cây lâm nghiệp Trùng Bạt, ...; ngoài ra một số vùng người dân tự chiết cành, ghép cây giống hoặc mua cây giống bằng cành chiết để phục vụ nhu cầu nông hộ.

Hàng năm các cơ sở sản xuất giống cây ăn quả có múi trên địa bàn tỉnh sản xuất khoảng 300.000 cây giống/năm, chủ yếu tập trung tại các cơ sở lớn như: Cơ sở bảo tồn quỹ gen và nhân giống bưởi Phúc Trạch, Công ty TNHH Tân Thanh Phong, Trại thực nghiệm và nhân giống cây ăn quả, cây lâm nghiệp Truong Bát, ...Số lượng cây giống do các doanh nghiệp, HTX sản xuất đáp ứng nhu cầu trong tỉnh ngoài ra còn xuất bán ra các thị trường ngoại tỉnh như Quảng Bình, Nghệ An...

- Đã hình thành được một số vùng sản xuất tập trung: Bưởi Phúc Trạch (tại 19 xã của huyện Hương Khê cũ, nay là các xã Hương Khê, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh, Hương Bình, Phúc Trạch, Hương Xuân); cam chanh tại các xã Mai Hoa, Thượng Đức, Hương Đô, Vũ Quang, Kim Hoa, Đồng Lộc...; cam búp tại các xã Kim Hoa, Thượng Đức, Hương Đô, Sơn Giang...Người dân đã được tiếp cận nhiều tiến bộ kỹ thuật mới thông qua các kênh truyền thông, tập huấn... nên các việc chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây ăn quả đã được chú trọng. Ứng dụng khoa học công nghệ từng bước được đưa vào và nhân rộng, một số cơ sở đã được chứng nhận quy trình sản xuất GAP, hữu cơ (đã có 2.700 ha cam bưởi được chứng nhận VietGAP và 51,5 ha cam, bưởi được chứng nhận hữu cơ); được lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm...Bước đầu hình thành một số vùng sản xuất cây ăn quả có diện tích tương đối lớn, là tiền đề để phát triển thành vùng tập trung, chuyên canh; một số vùng trồng giống cam chín muộn V2 kéo dài thời gian thu hoạch, nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất.

- Đã xây được một số thương hiệu sản phẩm cam bưởi cùng với chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP như cam Bảo Phương, cam giòn Thượng Lộc, cam Khê Mây, bưởi Phúc Trạch,...thúc đẩy mở rộng thương hiệu sản phẩm, nâng cao thu nhập cho người trồng cam, bưởi.

### 2.3. Rau các loại:

- Diện tích sản xuất rau giai đoạn 2020 - 2025 có xu hướng tăng từ 12.328 ha năm 2020 lên 13.796 ha năm 2025 (tăng 1.441 ha); việc áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất, chăm sóc, phòng trừ dịch hại đã góp phần tăng năng suất rau các loại từ 69,3 tạ/ha (năm 2020) lên 73,76 tạ/ha (năm 2025), tăng 4,46 tạ/ha; sản lượng rau tăng từ 85.433 tấn năm 2020 lên 101.560 tấn năm 2025 (16.127 tấn).

- Cơ cấu mùa vụ: Rau được sản xuất cả 3 vụ trong đó vụ Xuân chiếm khoảng 44% diện tích, vụ Hè Thu chiếm khoảng 16% diện tích, vụ Đông chiếm khoảng 40%.

- Cơ cấu chủng loại: Rau ăn lá chiếm tỷ lệ lớn nhất khoảng 53%; rau lấy quả tỷ lệ khoảng 38%; rau lấy củ rễ thân chiếm khoảng 9% tổng diện tích sản xuất rau.

- Vùng sản xuất tập trung: Hiện nay tại các địa phương đã hình thành được các vùng sản xuất tập trung chuyên canh như xã Đông Kinh, Thạch Lạc, Tùng Lộc, Can Lộc, Đồng Lộc, Hà Huy Tập, Hương Đô, Đức Thọ, Yên Hòa, Đồng Tiến,... Sản phẩm chủ yếu bán tự do cho thương lái, chợ; chưa hình thành được chuỗi giá trị.

- Sản xuất rau các loại trong nhà màng, nhà lưới: Có 228 cơ sở, với tổng diện tích 166.776 m<sup>2</sup>. Hầu hết các cơ sở được đầu tư đồng bộ hạ tầng (hệ thống màng lưới, nhà màng, hệ thống tưới, hàng rào); áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và quy trình sản xuất các loại cây trồng; sản xuất các loại cây như dưa chuột, cải các loại, su hào, mướp đắng,... đã chủ động trong bố trí thời vụ, giảm thiểu tác động của điều kiện ngoại cảnh, tăng hiệu quả sản xuất; sản phẩm tiêu thụ chủ yếu thông qua thương lái và chợ. Điển hình ở xã Thạch Lạc 14.000 m<sup>2</sup>/28 nhà lưới của THT HT Farm Hà Tĩnh, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP rau các loại, dưa chuột, mướp đắng,... doanh thu đạt 20 triệu đồng/500 m<sup>2</sup>; tiêu thụ chủ yếu thông qua thương lái và các trang mạng xã hội như Zalo, Facebook,...

#### 2.4. Cây ngô

- Ngô lấy hạt: Năm 2020 diện tích sản xuất ngô 10.429 ha, từ năm 2023-2025, diện tích ngô ổn định khoảng 14.000 ha - 14.500 ha; năng suất tăng 7,48 tạ/ha (năm 2020: 44,42 tạ/ha, năm 2025: 51,9 tạ/ha), sản lượng năm 2025 đạt 72.287 tấn (tăng 25.947 tấn so với năm 2020). Ngô lấy hạt phục vụ chăn nuôi tập trung ở các xã Hương Sơn, Sơn Giang, Tứ Mỹ, Vũ Quang, Hà Linh, Hương Khê, Hương Đô,... Ngô nếp lấy bắp tương cung cấp thực phẩm trồng ở xã Hương Phố, Hương Khê, Hà Linh, Hương Bình, Hương Xuân, Đức Đồng, Đức Minh,...

- Ngô sinh khối: Hàng năm diện tích gieo trồng khoảng 2.000 ha, gieo trồng gối vụ liên tục trong năm (chủ yếu gieo trồng trong vụ Đông Xuân), cung cấp khoảng 70.000 tấn thức ăn thô xanh phục vụ chăn nuôi; tập trung ở các xã: Hương Đô, Sơn Tiến, Sơn Giang, Hương Xuân, Thượng Đức...

- Sản xuất ngô liên kết: Một số vùng ở xã Hương Sơn có liên kết cung ứng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi với diện tích 130 ha. Hình thành nhiều hộ trồng ngô sinh khối tập trung (quy mô 0,2 ha trở lên) để lấy nguyên liệu chăn nuôi tập trung. Mô hình ngô ngọt liên kết quả xã Mai Hoa, Hương Sơn,... đang từng bước hình thành chuỗi sản xuất.

- Mô hình sản xuất thử các giống ngô biến đổi gen đang được triển khai, bước đầu đánh giá có 02 giống (CP.511.S, NK7328-BT) thích ứng tốt với điều kiện đất đai khí hậu, chống chịu tốt với sâu bệnh (đặc biệt là sâu keo mùa thu), đạt năng suất cao (giống CP.511.S đạt 62 tạ/ha; NK7328-BT đạt 60 tạ/ha).

#### 2.5. Cây lạc, đậu, khoai, sắn

##### a. Cây lạc

- Diện tích giảm dần từ 11.083 ha năm 2020, đến năm 2025 chỉ còn 6.268 ha (giảm 4.815 ha); năng suất tăng dần từ 24,99 tạ/ha lên 26,82 tạ/ha năm 2025; sản lượng giảm từ 27.696 tấn năm 2020 xuống còn 16.814 tấn năm 2025.

- Cơ cấu vụ Xuân là vụ chính, đối với lạc vụ Hè thu và vụ Thu đông có vai trò sản xuất giống cho vụ lạc Xuân năm sau. Sản phẩm lạc chủ yếu được tiêu thụ thông qua các thương lái để chế biến kẹo, dầu,...

- Diện tích lạc có giảm do quỹ đất một phần chuyển sang mục đích sử dụng phi nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu sang ngô, rau các loại. Nguồn giống

lạc chủ yếu do người dân tự đi và mua qua các thương lái, chất lượng không được kiểm soát. Năng suất lạc tăng dần đạt mức bình quân chung của cả nước.

*b. Cây đậu*

- Diện tích giảm từ 4.353 ha năm 2020, đến năm 2025 diện tích còn 2.456 ha; năng suất tăng dần từ 8,32 tạ/ha lên 9,4 tạ/ha năm 2025; sản lượng giảm từ 3.622 tấn năm 2020 xuống còn 2.309 tấn năm 2025.

- Cơ cấu vụ Hè Thu là vụ chính, sản phẩm chủ yếu được tiêu thụ thông qua các thương lái để làm thực phẩm phục vụ tiêu dùng nội tỉnh.

*c. Cây khoai lang:*

- Diện tích dao động hàng năm từ 3.000 ha - 3.500 ha; năng suất năm 2025 đạt 76,26 tạ/ha, tăng 5,35 tạ/ha so với năm 2020; sản lượng năm 2025 đạt 23.900 tấn, tăng 1.186 tấn so với năm 2020.

- Hình thành một số vùng trồng khoai lang lấy củ tập trung ở các xã Nghi Xuân, Mai Phụ, Đồng Tiến..., quy mô 01 ha trở lên; sản phẩm chủ yếu tự cung, tự cấp và tiêu thụ qua các chợ ở địa phương, thương lái.

*d. Cây sắn:* Diện tích gieo trồng năm 2025 đạt 2.470 ha; sản lượng 37.522 tấn; diện tích sắn chủ yếu tập trung ở các xã Kỳ Thượng, Kỳ Lạc, Kỳ Văn, Sơn Hồng, Đồng Lộc, Hoàn Sơn, Cẩm Lạc,... Sản xuất chủ yếu sản xuất nông hộ, nhỏ lẻ để lấy củ ăn và phục vụ chăn nuôi.

*1.6. Hoa, cây cảnh các loại*

Phát triển hoa, cây cảnh đang chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung vào các giống cúc, đào, và hoa lan công nghệ cao, mang lại hiệu quả kinh tế, đặc biệt trong dịp lễ, nhất là dịp lễ tết Nguyên Đán.

*Cây hoa:* Các vùng trồng hoa truyền thống và hiện đại, cung cấp đa dạng chủng loại tại xã Toàn Lưu, Đức Thọ .... doanh thu đạt 34-37 triệu đồng/500m<sup>2</sup>... Một số cơ sở sản xuất các loại hoa cao cấp cung cấp cho thị trường như: Cơ sở sản xuất lan hồ điệp xã Thạch Khê, quy mô sản xuất 2.500m<sup>2</sup>, ứng dụng công nghệ cao IOT trong tưới nước, điều chỉnh nhiệt độ; sản lượng sản phẩm 11 vạn cây (20 màu), doanh thu đạt 7 tỷ đồng/năm; cơ sở trồng hoa ly của hộ Nguyễn Tường An tại Tiên Điền....

*Cây cảnh:* Các mô hình cây cảnh đang phát triển đa dạng, với nhiều loại cây truyền thống (trồng mai tại Hoàn Sơn, Kỳ Xuân, Cổ Đạm,..., trồng đào tại Toàn Lưu, phường Thành Sen, Cổ Đạm, Cẩm Hưng,...; cùng với các vườn bonsai nghệ thuật, cây cảnh nghệ thuật tại các nhà vườn kết hợp giữa kinh tế vườn và cảnh quan, cung cấp cây cảnh cho trang trí nội ngoại thất và phục vụ du lịch (các quán cafe cây cảnh, vườn cảnh quan tại khu vực đô thị hay các điểm du lịch...)

*1.7. Sản xuất dừa liên kết:*

Sản xuất dừa liên kết: Bắt đầu từ 2024 đến nay, diện tích đạt 381 ha (Diện tích 321,5 ha do Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao trực tiếp sản xuất (hợp tác, thuê đất của Công ty Cổ phần chăn nuôi Bình Hà; 59,5 ha các hộ dân liên kết sản xuất với Công ty), qua thực tế bước đầu cho thấy cây dừa phù hợp với các vùng đất đồi có độ dốc vừa phải.

1.8. *Cây chè*: Diện tích trồng chè hàng năm khoảng 2.800 ha, sản lượng tăng từ 28.775 tấn năm 2020 lên 34.500 tấn năm 2025. Trong đó diện tích chè công nghiệp khoảng 1.200 ha (năm 2025 tổng diện tích 1.168 ha, trong đó diện tích cho sản phẩm 1.136 ha, năng suất đạt 128,43 tạ/ha; sản lượng 14.588 tấn). Diện tích chè công nghiệp chủ yếu tập trung ở các vùng trung du miền núi như tại xã Sơn Kim 2 (350 ha), Sơn Tây (259 ha), Kỳ Văn (170 ha), Kỳ Thượng, (162 ha), Hương Đô (150 ha); giống chè chủ yếu sử dụng LDP2, PH1,... Chuỗi liên kết sản xuất chè ổn định bền vững với Công ty CP chè Hà Tĩnh (sử dụng đồng nhất về giống, quy trình sản xuất, thu mua sản phẩm búp tươi) mang lại hiệu quả sản xuất cho người dân.

### 1.9. Các loại cây trồng khác

#### a. Cây hồng

Hồng Yên Du có diện tích khoảng 30 ha với khoảng 100 hộ trồng, chủ yếu là ở các xã Mai Hoa, Thượng Đức... nhưng tập trung nhiều nhất tại thôn Yên Du, xã Mai Hoa; trong đó số cây có tuổi đời trên 40 năm tuổi chiếm khoảng 30-40% diện tích. Năm 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã công nhận 10 cây đầu dòng cây hồng Yên Du để phục vụ công tác bảo tồn và nhân giống.

Hồng Vuông được trồng ở phường Hà Huy Tập khoảng 100 cây, hiện nay đang được người dân xã Đồng Lộc mở rộng diện tích khoảng 8 ha.

Giống hồng hiện nay chủ yếu nhân bằng phương pháp chẵn rễ.

b. Cây chanh: Năm 2025, tổng diện tích 1.296 ha, tương đương so năm 2020; diện tích cho sản phẩm 1.211 ha; năng suất đạt 146,32 tạ/ha, tăng 32,72 tạ/ha so với năm 2020; sản lượng 17.718 tấn, tăng 5.357 tấn so với năm 2020. Diện tích trồng tập trung tại các xã Mai Hoa 356 ha, Kim Hoa 216 ha, Đồng Lộc 134 ha, Trường Lưu 85 ha, Sơn Tiến 80 ha, Gia Hạnh 50 ha,....

c. Cây ổi: Tổng diện tích 575 ha; diện tích cho sản phẩm 529 ha; sản lượng 4349 tấn. Các giống ổi chính: Đài Loan, ruột hồng,... Năm 2025, diện tích 580 ha, sản lượng 4.598 tấn. Đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung như: THT trồng ổi Kỳ Đông 20 ha, Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Sơn Tiến 5 ha, HTX Thanh niên Thành Sen diện tích 3 ha; đang triển khai chuyển đổi đất màu kém hiệu quả sang trồng ổi 2 ha ở xã Thạch Hà.

#### d. Các cây trồng khác phân tán trong vườn hộ

Các loại cây ăn quả khác như: cau, quýt Khốp, chuối, mít, nhãn, vải, thanh long... diện tích tương đối ổn định, phân tán rải rác trong vườn hộ tại tất cả các địa phương, chưa hình thành được vùng sản xuất tập trung. Tuy nhiên sản phẩm các loại cây ăn quả này chủ yếu dùng để tự cung, tự cấp và có giá trị kinh tế thông qua trao đổi hàng hóa trong phạm vi thôn, xã, cụ thể:

- Cây chuối: Năm 2024, tổng diện tích 2.197 ha, tương đương năm 2020; diện tích cho sản phẩm 2.093 ha; năng suất đạt 126,93 tạ/ha, tăng 19,77 tạ/ha so với năm 2020; sản lượng 26.566 tấn, tăng 2.242 tấn so với năm 2020. Các giống chuối chủ yếu: chuối tiêu thường, chuối tiêu hồng, chuối tây (chuối sứ) chuối ngự, chuối hương (chuối xiêm), chuối lùn. Năm 2025, diện tích 2.200 ha, sản lượng 27.010 tấn.

- Cây mít: Tổng diện tích 1.183 ha, diện tích cho sản phẩm 1.148 ha, sản lượng 14.102 tấn. Các giống mít: mít dai, mít mật, mít thái, mít nghệ, ...Ước năm 2025, diện tích 400 ha, sản lượng 1.500 tấn.

- Cây nhãn: Năm 2024, tổng diện tích 312 ha, diện tích cho sản phẩm 309 ha, năng suất đạt 33,82 tạ/ha, tăng 1,04 tạ/ha so với năm 2020; sản lượng 1.045 tấn. Các giống nhãn gồm: Nhãn lồng, nhãn chín sớm, nhãn chín muộn, ...Ước năm 2025, diện tích 312 ha, sản lượng 1.100 tấn.

- Cây vải: Năm 2024, tổng diện tích 203 ha, diện tích cho sản phẩm 200 ha, năng suất đạt 35,35 tạ/ha, sản lượng 707 tấn, tăng 98 tấn so với năm 2020. Các giống vải chính: vải sớm, vải thiều. Ước năm 2025, diện tích 203 ha, sản lượng 750 tấn.

- Cây xoài: Năm 2024, tổng diện tích 510 ha, tăng 30 ha so năm 2020; diện tích cho sản phẩm 500 ha, tăng 55 ha so năm 2020; năng suất đạt 33,42 tạ/ha, tăng 1,91 tạ/ha so với năm 2020; sản lượng 1.671 tấn, tăng 269 tấn so với năm 2020. Ước năm 2025, diện tích 510 ha, sản lượng 1.707 tấn.

- Thanh long: Năm 2024, tổng diện tích 222 ha, diện tích cho sản phẩm 204 ha, năng suất đạt 36,91 tạ/ha, sản lượng 753 tấn; các giống Thanh long: Thanh long ruột trắng (60%), thanh long ruột đỏ (40%). Ước năm 2025, diện tích 222 ha, sản lượng 760 tấn.

- Quýt Khốp: Diện tích khoảng 50 ha, trồng xen canh, phân tán trong vườn đồi ở Kỳ Thượng, Kỳ Lạc, ...; sản phẩm chủ yếu dùng vỏ quả để làm dược liệu, gia vị.

- Cây cau: Hiện nay đang trồng manh mún, nhỏ lẻ, tự phát trong vườn hộ, cảnh quan khu vực công cộng, sản phẩm quả tiêu dùng nội tỉnh.

### **3. Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất**

Từng bước chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất, chất lượng sản phẩm góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, đồng thời phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thân thiện môi trường, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

#### **3.1. Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ:**

- Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP: Giai đoạn 2020-2025, diện tích sản xuất các loại cây trồng được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGap khoảng 4.000 ha tập trung chủ yếu trên cây ăn quả có múi (Cam, Bưởi: 2.700 ha, Chè: 500 ha, Lúa: 700 ha...); đến nay, diện tích còn hiệu lực 535 ha/35 cơ sở (cam, bưởi 45,2 ha/5 cơ sở; vườn ăn quả hỗn hợp 9,76 ha/1 cơ sở; Rau 4,18 ha /2 cơ sở; Lúa 336 ha/19 cơ sở; Chè 80,6 ha/4 cơ sở, Sen 28 ha/1 cơ sở, lạc 25,9 ha/3 cơ sở).

- Sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ: Diện tích được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ trồng trọt theo TCVN 11041-2:2017 là 94,52 ha/17 cơ sở; tuy nhiên đến ngày 14/11/2025 tổng diện tích được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ trồng trọt theo TCVN 11041-2:2017 còn hiệu lực còn 12 ha/3 cơ sở (Cây lúa 5 ha, Cây bưởi 4 ha, cây cam 3 ha).

Người sản xuất chưa tuân thủ đúng tiêu chuẩn nghiêm ngặt của VietGAP, hữu cơ, giá bán sản phẩm được chứng nhận không cao hơn so với đại trà và diện tích được chứng nhận VietGAP, hữu cơ phụ thuộc vào chính sách, chương trình dự án, khi không còn hỗ trợ thì các cơ sở không duy trì cấp lại chứng nhận nên diện tích được chứng nhận còn hiệu lực ngày càng giảm.

- Sản xuất trồng trọt theo hướng hữu cơ liên kết với Công ty CP Tập đoàn Quế Lâm bắt đầu từ năm 2022, lũy kế đến nay đạt 455,4 ha lúa; 1,2 ha dưa lưới, dưa hấu; 4 ha cam và bưởi; 66 cây vú sữa; 100 cây ổi (Năm 2022: 16,8 ha lúa, 40 cây ăn quả; năm 2023: 117,4 ha lúa, 2,5 ha dưa, 100 cây ổi, 200 cây cam, chè 0,4 ha; năm 2024: 211,4 ha lúa; 1,1 ha dưa các loại; 3 ha cam; 1 ha chè; 100 cây ổi; năm 2025: 112,75 ha lúa, 1,2 ha dưa lưới, dưa hấu, 4 ha cam và bưởi, 66 cây vú sữa); vụ Xuân 2026 diện tích liên kết tiêu thụ đạt 39,1 ha tại Toàn Lưu (30 ha), Can Lộc (5,6 ha), Mai Phụ (2,5 ha), Kỳ Anh (1 ha).

### 3.2. Mô hình giảm phát thải

- Năm 2025: Triển khai thực hiện thí điểm chương trình tạo tín chỉ carbon tại xã Thiên Cầm với quy mô 292,7 ha (Vụ Xuân 50,7 ha, Vụ Hè Thu 242 ha), kết quả bước đầu tích cực, như tiết kiệm nước, hạn chế sâu bệnh, giảm phát thải, năng suất lúa cao hơn so với canh tác truyền thống, giảm phát thải đáng kể so với canh tác lúa ngập truyền thống, đặc biệt là giai đoạn từ đẻ nhánh rộ. Lượng giảm phát thải của canh tác tưới ngập khô xen kẽ so với canh tác tưới ngập liên tục là 70,48% ở vụ Xuân và 49,1% trong vụ Hè Thu.

- Vụ Xuân 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chỉ đạo các địa phương phối hợp với các doanh nghiệp triển khai xây dựng mô hình sản xuất lúa áp dụng mạ khay, máy cấy kết hợp với điều tiết nước ướm khô xen kẽ với diện tích 150 ha trên địa bàn 12 xã (Toàn Lưu, Cẩm Hưng, Kỳ Anh, Gia Hanh, Can Lộc, Đức Thịnh, Đức Quang, Tứ Mỹ, Hồng Lộc, Trần Phú, Hà Huy Tập, Hồng Lộc). Viện Khoa học kỹ thuật Bắc Trung bộ phối hợp Công ty TNHH Green Carbon Japan Việt Nam triển khai mô hình sản xuất lúa áp dụng biện pháp tưới ngập khô xen kẽ tại 15 xã với tổng diện tích 4.000 ha (Thiên Cầm 500 ha, Cẩm Hưng 300 ha, Cẩm Xuyên 500 ha, Yên Hòa 200 ha, Cẩm Duệ 300 ha, Đức Quang 300 ha, Đức Thịnh 500 ha, Tùng Lộc 100 ha, Xuân Lộc 200 ha, Can Lộc 200 ha, Gia Hanh 100 ha, Cẩm Bình 200 ha, Đông Kinh 200 ha, Kỳ Anh 300 ha, Nam Hồng Lĩnh 100 ha).

### 3.3. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất

- Áp dụng kỹ thuật IPM (áp dụng một phần): Tổng diện tích áp dụng khoảng 45.000ha/137.000ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp, trong đó 30.000ha cây lúa, 7.000ha cây ăn quả, 4.000ha cây rau, 2.000ha cây chè, 2.000ha cây lạc.

- Ứng dụng phương pháp thụ phấn bổ sung Phúc Trạch đạt tỷ lệ trên 90%, nâng cao tỷ lệ đậu quả; cam, bưởi, ổi... được người dân chủ động sử dụng bao quả tỷ lệ đạt trên 70% nhằm nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm,...

- Ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tự động với diện tích 278,5 ha (cây cam 241,8 ha, cây bưởi 36,7 ha); trong đó Quỳ Thiện Tâm - Tập đoàn

Vingrounp hỗ trợ sản xuất và lắp đặt hệ thống tưới tiên tiến trên cây ăn quả cho 86 hộ với tổng diện tích 120,7 ha<sup>1</sup>, bước đầu hệ thống tưới kết hợp bón phân phát huy hiệu quả, góp phần giải quyết khó khăn về nước tưới.

#### **4. Phụ phẩm nông nghiệp**

- Lượng phụ phẩm phát sinh trong quá trình sản xuất hàng năm khoảng trên 1.200.000 tấn, trong đó: rơm, rạ khoảng 600.000 tấn, thân cây lạc 160.000 tấn, thân cây ngô 70.000 tấn, thân cây sắn 250.000 tấn,....

- Tình hình sử dụng: Một số vùng rơm rạ được thu gom bằng máy cuộn rơm hoặc thủ công để dùng làm nấm, độn chuồng, ủ phân, chất đốt, ủ gốc.... Thân các cây ngô, lạc cơ bản được thu gom và sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, ủ gốc cây,... Tuy nhiên tỷ lệ thu gom rơm rạ đạt thấp, vẫn còn tình trạng đốt rơm rạ tại ruộng và sử dụng phụ phẩm chưa hiệu quả.

#### **5. Cơ giới hóa trong sản xuất**

- Sản xuất lúa: Tỷ lệ cơ giới hóa các khâu làm đất, thu hoạch, vận chuyển trong sản xuất đạt cao, như làm đất đạt 98,8%, thu hoạch lúa đạt 98,7%; nhiều máy móc, thiết bị được sử dụng trong chăm sóc như máy bay không người lái trong phun thuốc phòng trừ sâu bệnh, máy thu gom, máy cuộn rơm rạ.... Bước đầu vụ Xuân 2026 đã hình thành các tổ chức làm dịch vụ làm mạ và cấy lúa (diện tích đạt 150 ha).

- Sản xuất các cây trồng khác: Tỷ lệ cơ giới hóa các khâu làm đất đạt 91,5%; các khâu như chăm sóc, thu hoạch chưa áp dụng cơ giới hóa.

#### **6. Mô hình sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm**

Thị trường các sản phẩm nông sản như lúa, lạc, cây ăn quả, rau các loại... chủ yếu là đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và một số tỉnh lân cận, thị trường chủ yếu do thương lái thu mua và tiêu thụ. Liên kết trong sản xuất trồng trọt tập trung chủ yếu trên một số cây trồng có lợi thế như: Chè công nghiệp, cây ăn quả có múi và một số sản phẩm khác như lúa, rau các loại, dưa, sắn... đã góp phần tăng hiệu quả kinh tế và phát triển sản xuất bền vững.

- Chè công nghiệp: Mô hình liên kết của Công ty CP chè Hà Tĩnh với trên 1.200 hộ dân, quy mô hơn 1.100 ha ở các xã Sơn Kim 2, Sơn Tây, Hương Đô, Kỳ Thượng,... đầu tư trồng, chăm sóc, thu mua, chế biến và xuất khẩu; sản lượng thu hoạch hơn 14.000 tấn/năm. Đây là mô hình liên kết sản xuất cho hiệu quả và bền vững nhất trong sản xuất hiện nay trên địa bàn tỉnh.

- Cây ăn quả (Cam, bưởi Phúc Trạch): Đã có một số hợp tác xã, doanh nghiệp, các đại lý bán hoa quả, hệ thống tư thương liên kết khâu thu mua, tiêu thụ trên 10.000 tấn cam, bưởi Phúc Trạch để xuất bán trên thị trường trong và ngoài tỉnh. Bước đầu hình thành các HTX, THT sản xuất, tiêu thụ gắn với xây dựng quy trình sản xuất cho vùng nguyên liệu như HTX Trà Sơn sản xuất cam giòn, cam chanh Bảo Phương,....

- Cây dưa: Mô hình liên kết theo với Công ty CP Xuất khẩu Thực phẩm Đồng Giao, đến nay đã trồng được 378 ha dưa, doanh thu từ quả đạt trung bình

<sup>1</sup> Kim Hoa 19 ha, Sơn Giang: 10,2 ha, Mai Hoa: 75,5 ha, Thượng Đức: 7 ha, Hương Đô: 9 ha

đạt 228 triệu/ha, từ bán chồi 150 triệu/ha, tổng doanh thu 378 triệu/ha; lợi nhuận trên một chu kỳ sản xuất (16 - 18 tháng) đạt từ 221-238 triệu/ha. Việc phát triển mô hình sản xuất dựa liên kết đã tạo chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất, cung ứng giống, hỗ trợ kỹ thuật đến bao tiêu sản phẩm, giúp người dân chuyển đổi đất đồi kém hiệu quả, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Cây sắn: Liên kết sản xuất theo chuỗi khép kín với nhà máy chế biến tinh bột sắn Thành Mỹ Phát, diện tích 130 ha tại xã Kỳ Thượng; đồng thời Công ty thực hiện thu mua sản phẩm sắn diện tích khoảng 1.000 ha trên địa bàn các xã Kỳ Văn, Kỳ Thượng, Kỳ Lạc với giá bình quân 2.000 - 2.500 đồng/kg, giá trị sản xuất 31 - 39 triệu đồng/ha.

## **7. Phân bón và công tác bảo vệ thực vật**

### **7.1. Sản xuất, cung ứng, sử dụng phân bón**

Nhu cầu sử dụng phân bón (phân vô cơ) phục vụ sản xuất trồng trọt tại Hà Tĩnh trung bình khoảng 80 ngàn tấn/năm, trong đó các doanh nghiệp, cơ sở buôn bán ngoại tỉnh cung ứng khoảng 78 ngàn tấn/năm, lượng giống còn lại do 02 công ty sản xuất phân bón đóng trên địa bàn tỉnh (Công ty cổ phần phân bón Nghệ Tĩnh và công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao) cung ứng khoảng 1.300 tấn/năm.

Các doanh nghiệp tham gia cung ứng phân bón: Công ty cổ phần phân bón Nghệ Tĩnh và công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao (công ty đóng trên địa bàn tỉnh); Công ty phân bón Lâm Thao, Công ty phân bón và hóa chất Dầu khí, công ty CP phân bón Tiến Nông, công ty CP phân lân Ninh Bình, công ty CP hóa chất phân bón Lào Cai, công ty CP hóa chất phân bón Bình Điền,...(công ty ngoại tỉnh),....

Hiện trạng sử dụng phân bón tại hiện nay chủ yếu vẫn dựa vào phân vô cơ, với tình trạng lạm dụng, bón dư thừa so với nhu cầu cây trồng gây lãng phí, ô nhiễm môi trường và thoái hóa đất.

### **7.2. Cung ứng, sử dụng thuốc BVTV**

Tại Hà Tĩnh, có khoảng 200 tấn thuốc Bảo vệ thực vật (BVTV) các loại, cùng các chất kích thích sinh trưởng được sử dụng hàng năm (thuốc trừ sâu, nhện khoảng 22 tấn, thuốc trừ ốc khoảng 12 tấn, thuốc trừ bệnh khoảng 30 tấn, thuốc trừ cỏ khoảng 78 tấn, thuốc trừ chuột khoảng 63 tấn, thuốc điều hòa sinh trưởng khoảng 1,5 tấn); các loại thuốc BVTV sử dụng trên địa bàn chủ yếu có nguồn gốc hóa học (chiếm 95%) và được các doanh nghiệp ngoại tỉnh cung ứng vào địa bàn Hà Tĩnh. Một số doanh nghiệp tham gia cung ứng thuốc BVTV: Công ty BVTV I Trung ương, Công ty Sygenta, công ty BVTV Việt Thắng,....

Nhằm hạn chế lượng thuốc BVTV sử dụng trên đồng ruộng, ảnh hưởng đến môi trường đất, nước và sức khỏe con người. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các địa phương triển khai, nhân rộng nhiều mô hình sản xuất hữu cơ, theo hướng hữu cơ, VietGAP, quản lý dịch hại tổng hợp IPM, IPHM trên các cây trồng (lúa, rau, cây ăn quả, chè,...). Hiện nay, toàn tỉnh có 45.000 ha áp dụng một phần chương trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM, 5ha áp dụng chương trình sức khỏe cây trồng IPHM,... đã góp phần giảm thiểu lượng thuốc BVTV từ 20-30% so với sản xuất truyền thống; hỗ

trợ lắp đặt hơn 10.000 bể chứa thu gom bao gói, chai lọ thuốc BVTV sau sử dụng trên diện tích sản xuất.

Thực trạng sử dụng thuốc BVTV trên một số cây trồng:

- Trên cây lúa: Trung bình mỗi vụ sản xuất người dân phun thuốc BVTV từ 1-4 lần, chủ yếu phòng trừ cỏ dại, trừ sâu, trừ bệnh; lượng thuốc BVTV sử dụng hàng năm để phòng trừ các đối tượng sinh vật gây hại khoảng 170 tấn. Tình trạng lạm dụng thuốc BVTV, sử dụng thuốc BVTV bừa bãi không đúng kỹ thuật, chai lọ, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng không được thu gom vẫn xảy ra phổ biến, đặc biệt tình trạng sử dụng thuốc BVTV không chọn lọc (cỏ cháy) trên bờ ruộng, trên diện tích đất sản xuất tại nhiều địa phương (đã ảnh hưởng rất lớn đến môi trường đất, nước, sức khỏe cộng đồng).

- Trên cây trồng cạn (rau các loại, ngô, lạc, đậu,...): Có khoảng 14 tấn thuốc BVTV được dùng hàng năm để phòng trừ sinh vật gây hại trên cây trồng cạn, trong đó một lượng lớn (khoảng 9 tấn) thuốc BVTV dùng để trừ cỏ trên cây ngô, lạc, còn lại chủ yếu phòng trừ sâu, bệnh trên rau màu, ngô. Thực trạng cần được quan tâm đối với việc sử dụng thuốc BVTV trên cây trồng cạn, đặc biệt trên các loại rau, củ, quả là việc sử dụng sai liều lượng và không tuân thủ thời gian cách ly, dẫn đến nguy cơ cao về dư lượng thuốc, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người, môi trường và gây ra hiện tượng sâu bệnh kháng thuốc.

- Trên cây ăn quả: Lượng thuốc BVTV phòng trừ dịch hại trên cây ăn quả thường cao hơn so với lúa và hoa màu do đặc thù cây lâu năm, dễ bị sâu bệnh phát sinh gây hại. Trung bình khoảng 1,5kg thuốc BVTV/năm/ha, trên địa bàn toàn tỉnh hàng năm sử dụng hơn 10 tấn thuốc BVTV trên cây ăn quả. Một số sản phẩm cây ăn quả có thương hiệu như Bưởi Phúc Trạch, Cam Khe Mây,... có cơ hội xuất khẩu sang các thị trường ngoài nước đòi hỏi yêu cầu nghiêm ngặt về dư lượng thuốc BVTV trên sản phẩm. Tuy nhiên, hiện nay tại một số vườn cây ăn quả tình trạng sử dụng thuốc BVTV không tuân thủ nguyên tắc 4 đúng vẫn diễn ra khá phổ biến.

### 7.3. Công tác bảo vệ thực vật

Công tác bảo vệ thực vật đã được quan tâm tập trung chỉ đạo, ban hành các văn bản, hướng dẫn, chủ động các giải pháp phòng trừ dịch hại kịp thời, hiệu quả, cơ bản bảo vệ an toàn sản xuất, các đối tượng dịch hại như: Bệnh đạo ôn, rầy nâu rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, chuột,... trên lúa; nhóm sâu ăn lá, bệnh do nấm (mốc đen, mốc trắng, bệnh héo rũ) trên cây lạc; sâu keo mùa thu trên cây ngô; sâu vẽ bùa, sâu nhót, bệnh loét sẹo, nhện hại,... trên cây ăn quả, phát sinh gây hại nhẹ, mức độ và tỉ lệ nhiễm sâu bệnh thấp. Tuy nhiên, một số đối tượng phát sinh gây hại nặng ảnh hưởng đến năng suất cây trồng trong năm 2022 và năm 2025, cụ thể: Vụ Xuân năm 2022, bệnh đạo ôn, đặc biệt là đạo ôn cổ bông phát sinh gây hại mạnh trên lúa vụ Xuân đã ảnh hưởng đến năng suất lúa cả năm, tổng diện tích lúa nhiễm đạo ôn 1.025 ha (600ha nhiễm đạo ôn lá, 425 ha nhiễm đạo ôn cổ bông), trong đó 68,7 ha nhiễm nặng và 5ha mất trắng; vụ Hè Thu 2025: Sâu cuốn lá nhỏ,

rầy nâu phát sinh gây hại nặng trên lúa, tổng diện tích nhiễm sâu cuốn lá nhỏ 11.524ha, rầy nâu 1.200ha ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển, năng suất và chất lượng cây trồng.

### **8. Công tác quản lý nhà nước**

- Công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất: UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch phát triển các loại cây trồng lĩnh vực trồng trọt: Kế hoạch số 513/KH-UBND ngày 01/11/2024 về thực hiện chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 19/4/2024 về phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ; Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 17/4/2024 về Phát triển cây công nghiệp chủ lực trên địa bàn Hà Tĩnh đến năm 2030 trên địa bàn Hà Tĩnh đến năm 2030; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 07/6/2024 về Phát triển cây sắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Đề án Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050. Hàng năm, hàng vụ sản xuất ngành nông nghiệp đã định hướng chỉ đạo sản xuất cụ thể phù hợp với điều kiện sản xuất các vùng sinh thái thông qua các kế hoạch, đề án sản xuất hàng vụ, các văn bản chỉ đạo, tập huấn,...

- Quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 1.181 cơ sở buôn bán phân bón, thuốc BVTV (391 cơ sở buôn bán thuốc BVTV và 790 cơ sở buôn bán phân bón đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, trong đó 220 cơ sở vừa buôn bán thuốc BVTV vừa buôn bán phân bón); có khoảng 35 cơ sở kinh doanh, đại lý giống cây trồng. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức các cuộc kiểm tra chất lượng hàng hóa, vật tư nông nghiệp (02 cuộc/năm) tại các tổ chức, cá nhân buôn bán, sử dụng phân bón, thuốc BVTV; lấy mẫu giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV để kiểm định chất lượng (từ năm 2021 đến năm 2025 đã tiến hành lấy khoảng 300 mẫu giống lúa, 144 mẫu phân bón, trong đó có 05 mẫu phân bón, 06 mẫu giống lúa không đáp ứng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón, giống cây trồng và được xử lý vi phạm đúng quy định); tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về thuốc BVTV, phân bón cho các cá nhân, tổ chức kinh doanh để nâng cao nhận thức về việc sử dụng, buôn bán trên địa bàn.

- Công tác cấp mã số vùng trồng: Toàn tỉnh có 95 cơ sở được cấp mã số vùng trồng còn hiệu lực, với tổng diện tích 1548,21 ha, trong đó: Lúa 1.203 ha/55 cơ sở; chè 98,15 ha/7 cơ sở; cây ăn quả 120,81 ha/14 cơ sở; lạc 93,04 ha/6 cơ sở; rau các loại 24,69 ha/10 cơ sở; các cây khác 8,19 ha/ 3 cơ sở.

## **II. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, thiếu ổn định, còn mang nặng tính tự cung tự cấp nên việc hình thành các vùng sản xuất hàng hóa, tập trung gặp nhiều khó khăn; áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất hạn chế, hệ số sử dụng đất thấp, hiệu quả trên đơn vị diện tích chưa cao, chưa khai thác hết tiềm năng quỹ đất dùng vào sản xuất nông nghiệp. Cụ thể trên một số sản phẩm chủ lực như sau:

+ Sản xuất lúa: Tỷ lệ sử dụng giống lúa từ cấp xác nhận trở lên đạt thấp (chiếm 30% diện tích). Cơ giới hóa khâu gieo cấy, chăm sóc trong sản xuất lúa cơ bản chưa được triển khai, tập quán gieo thả lúa thủ công chiếm chủ yếu (trên 90%) với việc gieo dày (lúa thuần khoảng 70-80kg/ha, cá biệt một số vùng trên 80kg/ha làm tăng chi phí sản xuất (nhiều tiền giống, công dặm tĩa, phun thuốc cỏ), tăng nguy cơ sâu bệnh gây hại (do cạnh tranh dinh dưỡng, thiếu ánh sáng...), làm giảm năng suất, chất lượng sản phẩm và nguy cơ gây suy thoái đất, ô nhiễm môi trường đồng ruộng ngày càng trầm trọng.

+ Sản xuất cây ăn quả có múi: Mặc dù phát triển về diện tích nhưng manh mún, phân tán, quy mô hộ là chủ yếu, chưa đáp ứng sản xuất hàng hoá lớn tập trung; việc đầu tư thâm canh còn thấp, chưa áp dụng đầy đủ, đúng các quy trình kỹ thuật chăm sóc vườn cây, dẫn đến một số diện tích sinh trưởng, phát triển kém (cây cam chanh, 683,13 ha tại các xã Vũ Quang, Thượng Đức, Hương Phố, Hương Đô, Mai Hoa, Kim Hoa...; cây cam bủ 210,74 ha tại các xã Vũ Quang, Kim Hoa, Thượng Đức, Hương Khê...; cây bưởi 338,93 ha tại các xã Hương Đô, Hương Phố, Hương Bình, Phúc Trạch...) nên năng suất bình quân chưa tương xứng với tiềm năng; chất lượng các vườn cây ăn quả không đồng đều, mẫu mã chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Sản xuất cam trên đất dốc chưa tuân thủ chặt quy trình sản xuất, đặc biệt là các biện pháp chống xói mòn...; nguồn nước hạn chế, đi lại khó khăn, chi phí sản xuất lớn. Một số doanh nghiệp, đầu mối thu mua trên địa bàn đang chủ yếu dừng lại khâu thu mua sản phẩm chưa hình thành được chuỗi sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu tạo lợi ích hài hòa cho người sản xuất.

+ Sản xuất chè công nghiệp chưa xây dựng được thương hiệu chè chất lượng cao phục vụ tiêu dùng nội địa.

+ Sản xuất dứa: Cây dứa là cây trồng đòi hỏi quy trình kỹ thuật chặt chẽ và điều kiện thâm canh cao. Trong khi đó các vùng trồng dứa tại Hà Tĩnh chủ yếu được chuyển đổi từ các vùng trồng keo, không yêu cầu cao về quy trình kỹ thuật; khả năng đầu tư thâm canh còn hạn chế; chưa có kinh nghiệm trong sản xuất dứa đặc biệt là các biện pháp kỹ thuật can tác động trong các giai đoạn nhạy cảm của cây dứa. Vì vậy giai đoạn đầu năng suất tại các vùng trồng chưa cao, chi phí sản xuất còn lớn, đòi hỏi quá trình tích lũy kinh nghiệm sản xuất, đầu tư bài bản. Hà Tĩnh là địa phương có tổng lượng mưa lớn từ 2.800 – 3.200 ml/năm, thời gian mưa tập trung từ tháng 9 - 11 là điều kiện thuận lợi cho bệnh thối nõn, thối rễ dứa phát sinh gây hại trên diện rộng (đây là điểm khác biệt so với các vùng trồng dứa tập trung từ vùng bắc Nghệ An trở ra Thanh Hóa, Ninh Bình).

+ Sản xuất rau: Sản xuất theo mùa vụ, phục vụ chủ yếu nhu cầu tiêu dùng nội vùng; chưa hình thành được các chuỗi liên kết cung ứng ổn định vào hệ thống bếp ăn tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh

+ Sản xuất hoa cây cảnh chưa phát triển được các làng nghề, nhà vườn có kỹ thuật chuyên sâu để phát huy lợi thế các loại cây cảnh như đào, mai,...

- Đa số các hình thức tổ chức sản xuất như HTX, THT còn lúng túng, việc hoạch định phương án sản xuất, tổ chức sản xuất, đặc biệt là liên kết tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế, sản phẩm chủ yếu tiêu thụ qua thương lái.

- Lao động nông nghiệp đã và đang bị già hóa do vậy rất hạn chế trong việc tiếp nhận và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, tùy tiện trong sản xuất. Tập quán canh tác một số vùng còn gieo cấy dày, bón phân không cân đối, bón nặng đạm giai đoạn thúc đòng tạo điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh phát sinh gây hại.

## **2. Nguyên nhân**

### *2.1. Nguyên nhân khách quan*

- Biến đổi khí hậu ngày càng rõ hơn và có những diễn biến bất thường (nắng nóng, hạn hán, bão, lũ...) tác động lớn đến quá trình sinh trưởng, phát triển và năng suất của cây trồng, làm biến động thời vụ gieo trồng, đồng thời gia tăng nguy cơ phát sinh và lây lan sâu bệnh gây hại.

- Thực trạng đất sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ, phần lớn nông hộ có diện tích đất nhỏ, rải rác gây khó khăn cho việc sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá.

- Thu nhập từ sản xuất các cây trồng truyền thống, đặc biệt là cây lúa thấp hơn nhiều so với giá trị ngày công lao động ngành nghề khác, do giá cả vật tư đầu vào và các khâu dịch vụ (như làm đất, thu hoạch, cấy...) cao, giá nông sản thấp.

- Lao động nông nghiệp chủ yếu là lao động thủ công, hầu hết chưa qua đào tạo cơ bản do vậy rất hạn chế trong việc tiếp nhận và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

### *2.2. Nguyên nhân chủ quan*

- Một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, chưa tranh thủ hết nguồn lực các chính sách, tiếp cận nhanh các tiến bộ khoa học, công nghệ, tập trung chỉ đạo xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, khai thác lợi thế sản phẩm, vùng miền.

- Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là doanh nghiệp phát triển liên kết sản xuất còn ít, liên kết quy mô vừa và nhỏ gặp nhiều khó khăn; chưa phát triển đa dạng các loại hình liên kết;

- Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu phát triển một nền nông nghiệp toàn diện, hiện đại.

## **3. Bài học kinh nghiệm**

- Xác định các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực và tập trung chỉ đạo xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh, khai thác đúng lợi thế, từng sản phẩm, địa phương.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ cao, tạo đồng nhất về giống, công nghệ sản xuất, để tạo sản phẩm quy mô lớn, đồng nhất, an toàn vệ sinh thực phẩm... là yếu tố quyết định để nâng cao hiệu quả, giá trị gia tăng và phát triển bền vững các mô hình sản xuất, kinh doanh, tạo chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Rà soát điều chỉnh, ban hành, bổ sung hệ thống các đề án, cơ chế, chính sách tạo động lực mạnh mẽ cho cả người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng thu nhập cho đa số người nông dân.

### **III. Đánh giá tiềm năng, lợi thế, khả năng phát triển**

#### *5.1. Đánh giá theo địa hình sinh thái*

Hà Tĩnh có 3 dạng địa hình cơ bản như sau:

- Vùng trung du miền núi và bán sơn địa: Đây là vùng chuyển từ vùng núi cao xuống vùng đồng bằng. Vùng này chạy dọc phía Tây Nam đường Hồ Chí Minh, bao gồm các xã thuộc các vùng: Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê, Kỳ Thượng, Kỳ Lạc, Kỳ Văn, Hoàn Sơn, Kỳ Hoa, Sông Trí Đức Đồng, Đức Thọ, Trường Lưu, Đồng Lộc, Gia Hanh, Toàn Lưu, Việt Xuyên, Thạch Xuân, Cẩm Duệ, Cẩm Hưng, Cẩm Lạc,... Địa hình có dạng xen lẫn giữa các đồi trung bình và thấp với đất ruộng. Phù hợp phát triển cây ăn quả, cây chè, lúa, ngô, rau, màu các loại..

- Vùng đồng bằng, bao gồm các xã: Đức Minh, Đức Quang, Đức Thịnh, Bắc Hồng Lĩnh, Nam Hồng Lĩnh, Can Lộc, Đông Kinh, Tùng Lộc, Hồng Lộc, Trần Phú, Thành Sen, Cẩm Bình, Cẩm Xuyên, Cẩm Lạc, Cẩm Hưng, Kỳ Văn, Vũng Áng... Địa hình vùng này tương đối bằng phẳng do quá trình bồi tụ phù sa của các sông, phù sa biển trên các vỏ phong hoá Feralit hay trầm tích biển. Phù hợp phát triển các sản phẩm lúa, ngô, các loại cây rau, màu.....

- Vùng ven biển, bao gồm các xã: Đan Hải, Cổ Đạm, Tiên Điền, Lộc Hà, Thạch Khê, Đồng Tiến, Yên Hòa, Thiên Cầm, Cẩm Trung, Kỳ Xuân, Kỳ Anh, Kỳ Khang, Hải Ninh, Vũng Áng, Hoàn Sơn.. Địa hình được tạo bởi những đụn cát, các vùng trũng được lấp đầy trầm tích hay đầm phá hay phù sa được hình thành do các dãy đụn cát chạy dài ngăn cách bãi biển. Ngoài ra vùng này còn xuất hiện các dãy đồi núi sót chạy dọc ven biển do kiến tạo của dãy Trường Sơn Bắc. Nhiều bãi ngập mặn được tạo ra từ nhiều cửa sông, lạch.. Phù hợp phát triển các sản phẩm lúa, ngô, các loại cây rau, màu.....

#### *5.2. Đánh giá theo nhóm cây trồng*

- Nhóm cây hàng năm: Lúa, ngô, đậu, lạc, khoai lang, rau các loại,... phát triển thích hợp với vùng đồng bằng và ven biển để cung cấp lương thực, thực phẩm cho dân cư trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ để né tránh thiên tai, phát triển sản xuất theo hướng thâm canh cao, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa trong sản xuất:

+ Cây lúa: Tập trung phát triển tại các vùng có truyền thống sản xuất, thâm canh lúa như: Đức Thịnh, Kỳ Anh, Can Lộc, Gia Hanh, Trường Lưu, Đồng Lộc, Cẩm Xuyên, Cẩm Bình, Cẩm Hưng, Xuân Lộc, Hà Huy Tập, Thiên Cầm, Đông Kinh, Cẩm Lạc, Kỳ Khang, Đức Quang, Cẩm Duệ, Việt Xuyên, Toàn Lưu, Đức Thọ, Hồng Lộc, Tùng Lộc, Thạch Xuân, Kỳ Xuân, Thạch Lạc, Nam Hồng Lĩnh....

+ Rau các loại: Sản xuất rau tập trung (bao gồm mở rộng các vùng truyền thống, các vùng ven thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp,...). Sản xuất

hành tằm, kiệu tại các xã Tùng Lộc, Can Lộc, Đức Thịnh... ; sản xuất rau củ quả các loại tại các vùng ven biển (Đồng Tiến, Thạch Lạc, Yên Hòa..., vùng đồng bằng, trung du miền núi và bãi bồi ven sông (Đông Kinh, Toàn Lưu, Cẩm Bình, Cẩm Trung, Đức Minh, Thành Sen, Nghi Xuân...).

+ Cây lạc: Tập trung tại các vùng ven biển Đồng Tiến, Thạch Khê, Cẩm Bình, Kỳ Xuân, Kỳ Anh, Kỳ Hoa, Kỳ Văn, Kỳ Khang... các vùng bãi bồi ven sông Lam...

+ Cây ngô: Chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ lạc, rau màu sang trồng ngô tại các vùng đồng bằng, ven biển như Nghi Xuân, Tiên Điền, Cổ Đạm, Đan Hải, Thiên Cẩm....

- Nhóm cây lâu năm và cây ăn quả: Chè, cam, bưởi, ổi, dứa; cây đặc sản,.... tập trung phát triển tại các vùng trung du và miền núi, hình thành các vùng chuyên canh để cung cấp cho thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh

+ Cây ăn quả có múi: Phát triển sản xuất tại Kim Hoa, Thượng Đức, Vũ Quang, Hương Đô, Mai Hoa, Đồng Lộc, Hương Phố, Phúc Trạch, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh, Hương Xuân, Hương Khê....

+ Vùng trồng Ngô tập trung tại các địa phương: Sơn Tiến, Hương Sơn, Hương Xuân, Hà Linh, Đức Đồng, Sơn Giang, Hương Phố, Hương Bình, Hương Khê, Thượng Đức, Sơn Hồng, Tứ Mỹ...

+ Cây chè: Tập trung ở các vùng trung du miền núi Hà Tĩnh tại Sơn Kim 2, Kỳ Văn, Kỳ Thượng, Sơn Tây, Hương Đô, Vũ Quang, Sơn Giang....

+ Cây dứa: Mở rộng và phát triển diện tích trồng dứa tại các xã Kỳ Hoa, Kỳ Văn, Mai Hoa, Vũ Quang, Thượng Đức, Cẩm Xuyên, Cẩm Lạc, Cẩm Duệ....

### **III. Quan điểm, mục tiêu, định hướng, giải pháp phát triển giai đoạn 2026 - 2030.**

#### **1. Quan điểm**

- Chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; phát triển sản xuất trồng trọt theo chuỗi giá trị và định hướng thị trường trên cơ sở liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp.

- Sản xuất trồng trọt theo hướng an toàn, hữu cơ, tuần hoàn, đa giá trị, phát thải thấp, phù hợp với chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực trong mọi tình huống. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững tài nguyên thiên nhiên.

- Phát triển các cây trồng lợi thế của vùng, địa phương gắn với bảo tồn giống cây trồng đặc sản trong nông nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái.

#### **2. Mục tiêu**

Phát triển trồng trọt đảm bảo an toàn thực phẩm, vững chắc an ninh lương thực; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống có hiệu quả thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo việc làm, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho nông dân.

#### **3. Định hướng phát triển**

##### **3.1. Định hướng chung**

a) Phát triển trồng trọt theo hướng tuần hoàn, phát thải các bon thấp, thân thiện với môi trường. Hướng sản xuất trồng trọt theo mô hình kinh tế tuần hoàn, đầu ra của tiêu ngành này thành đầu vào chất lượng của tiêu ngành khác nhằm khai thác và sử dụng một cách hiệu quả các nguồn tài nguyên, hạn chế chất thải, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

b) Chuyển giao các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu và đáp ứng với yêu cầu đa dạng của thị trường. Bảo tồn, khai thác và phát triển giống cây trồng đặc sản có giá trị kinh tế cao, gắn với vùng sinh thái và chỉ dẫn địa lý. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu sản xuất cung ứng giống cây giống có chất lượng cao, sạch bệnh.

c) Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng và kinh doanh giống cây trồng, quản lý chặt chẽ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, phát triển các chương trình IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong dự tính dự báo sinh vật gây hại cây trồng; bảo vệ sức khỏe con người, động vật và môi trường sinh thái.

d) Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nước; kiểm soát mức độ suy thoái đất, duy trì bảo vệ độ phì đất, tối ưu hoá các mục đích sử dụng đất nông nghiệp; tăng cường tạo nguồn, tích nước, điều tiết, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước phục vụ nông nghiệp.

e) Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị, chú trọng sản phẩm chủ lực tại các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn. Phát triển thị trường đảm bảo ổn định và nâng cao giá trị cho các sản phẩm trồng trọt; xây dựng và phát triển thương hiệu một số nông sản chủ lực có lợi thế và khác biệt

### 3.2. Định hướng phát triển một số cây trồng chủ lực

Đến năm 2030 tổng diện tích cây lương thực có hạt 114.958 ha, sản lượng đạt 613.911 tấn.

#### (1) Cây lúa

- Diện tích sản xuất lúa: Định hướng đến năm 2030 đạt 100.789 ha giảm 4.000 ha tại các khu vực phát triển công nghiệp, dịch vụ (các vùng này tiếp tục sản xuất lúa đến khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất); sản lượng 540.739 vạn tấn thóc, đảm bảo an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, chế biến, dự trữ; hình thành vùng sản xuất lúa tập trung.

- Định hướng vùng sản xuất:

+ Vùng quy hoạch lúa năng suất, chất lượng cao với diện tích 23.866,73ha/767vùng tại các xã theo Quyết định vùng quy hoạch lúa năng suất, chất lượng cao của UBND tỉnh: Định hướng gắn với sản xuất giảm phát thải, trong đó áp dụng hệ thống thâm canh cải tiến SRI khoảng 20%; phân đấu sử dụng giống cấp xác nhận trở lên đạt trên 80%; tập trung chỉ đạo tập trung tích tụ ruộng đất; ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng, sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn chế biến để sản xuất lúa hàng hóa.

+ Vùng sản xuất còn lại: Quy mô khoảng 35.000 ha chỉ đạo tập trung tăng năng suất, chất lượng cung cấp lương thực lương thực nội vùng và phục vụ chăn

nuôi nông hộ; phân đầu sử dụng giống cấp xác nhận trở lên đạt trên 50%; khuyến khích sản xuất giảm phát thải; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng để đảm bảo sản phẩm an toàn. Trong đó vùng sản xuất cao cường kém hiệu quả ở vùng khó khăn thủy lợi, vùng sâu trũng tại các xã Cổ Đàm, Thạch Khê, Thạch Lạc, Cẩm Lạc, Thạch Hà, Sơn Tiến, Mai Hoa, Sơn Kim 2... thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang cây hàng năm (*lạc, đậu, ngô, khoai,...*), cây lâu năm (*lựa chọn loại cây trồng lâu năm được chuyển đổi trên đất trồng lúa theo Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 của UBND tỉnh*), trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản theo quy định hiện hành.

- Giống: Sử dụng bộ giống chủ lực ngắn ngày, chất lượng, năng suất, thích ứng với khí hậu Hà. Đối với lúa hàng hóa sử dụng giống chất lượng phù hợp với thị trường, gắn với chế biến (nhà máy xay xát, làng bún, bánh, rượu); sử dụng giống có năng suất cao phục vụ chăn nuôi.

- Khoa học, công nghệ: Áp dụng tiến bộ kỹ thuật, quy trình thâm canh cải tiến SRI, phòng trừ tổng hợp IPM, quy trình VietGAP...; nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu gieo cấy, chăm sóc; giảm ô nhiễm nguồn nước và phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả sản phẩm phụ (rơm, rạ, trấu,...).

- Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa: Áp dụng đồng bộ các biện pháp như: sử dụng phân hữu cơ/vi sinh, bón vôi, áp dụng quy trình canh tác (gieo cấy thưa, quản lý nước tiết kiệm,...) để cải thiện độ phì, cấu trúc đất và giảm phát thải. Thực hiện đánh giá tính chất lý, hóa học và xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng cho vùng đất chuyên trồng lúa để làm cơ sở xây dựng quy trình sản xuất phù hợp.

- Áp dụng công nghệ tưới ngập, khô xen kẽ (AWD) trong canh tác lúa thích ứng với biến đổi khí hậu: Phân đầu đến năm 2030 đạt 15.000 ha, đến năm 2035 đạt trên 24.000 ha. Áp dụng cơ giới hóa nhằm thay đổi phương thức gieo cấy của người dân, sản xuất lúa giảm phát thải (áp dụng cơ giới hóa sạ cụm, sạ hàng hoặc máy cấy, kết hợp tưới ngập, khô xen kẽ và các giải pháp kỹ thuật sản xuất lúa giảm phát thải khác): Phân đầu áp dụng cơ giới hóa sạ cụm, sạ hàng kết hợp công nghệ tưới ngập, khô xen kẽ đến năm 2030 đạt 5.000 ha, đến năm 2035 đạt trên 13.600 ha; áp dụng máy cấy kết hợp công nghệ tưới ngập, khô xen kẽ đến năm 2030 đạt 2.000 ha, đến năm 2035 đạt trên 3.200 ha.

- Tổ chức sản xuất: Phát triển các HTX, tổ hợp tác, sản xuất theo hướng hình thành liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị tạo sản phẩm đồng nhất gắn với các cơ sở xay xát,...Phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, hoàn thành cơ sở tồn trữ xay xát gạo gắn với vùng nguyên liệu; phát triển mạng lưới tư thương thu mua, bảo quản, xay xát tiêu thụ; phát triển làng nghề, bún bánh, rượu; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi các vật nuôi sử dụng nhiều sản phẩm trồng trọt.

(2) Cây ăn quả có múi (cam, bưởi)

Đến năm 2030 diện tích trồng cam 6.870 ha sản lượng đạt trên 69.387 tấn, diện tích trồng bưởi 3.810 ha, sản lượng đạt trên 38.734 tấn. Tập trung ở các vùng có tiềm năng, lợi thế vùng sinh thái (cam chanh, cam bù ở Kim Hoa, Thượng Đức, Vũ Quang, Hương Đô, Mai Hoa, Đồng Lộc..., bưởi Phúc Trạch

Hương Phố, Phúc Trạch, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh, Hương Xuân, Hương Khê).

- Tập trung chỉ đạo các địa phương rà soát diện tích trồng cam, bưởi thực tế trên địa bàn để đánh giá hiện trạng từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp:

+ Số diện tích cây đang thời kỳ kinh doanh, sinh trưởng phát triển tốt: Chú trọng đầu tư thâm canh để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Khuyến khích hỗ trợ người sản xuất phân tích chất lượng đất để điều chỉnh quy trình kỹ thuật chăm sóc, bón phân phù hợp nhằm tăng năng suất, hạn chế suy thoái cây.

+ Số diện tích già cỗi, sinh trưởng, phát triển kém, hết chu kỳ kinh doanh: Tuyên truyền, vận động người dân phá bỏ, cải tạo đất, luân canh các loại cây trồng khác một chu kỳ trước khi trồng tái canh.

+ Số diện tích thời gian qua đã trồng khẳng định không hiệu quả, không phù hợp với cam, bưởi về điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng, độ dốc,... cần chuyển đổi cơ cấu sang cây trồng khác phù hợp.

+ Diện tích trồng mới cần tiến hành phân tích đất, đánh giá các yếu tố tự nhiên phù hợp với yêu cầu cam, bưởi và tiến hành trồng bằng giống có chất lượng, nguồn gốc rõ ràng, chăm sóc đảm bảo quy trình kỹ thuật.

- Công tác giống: Tiếp tục đầu tư nghiên cứu du nhập, chọn tạo giống cây ăn quả năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh hại, thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu. Xây dựng và khai thác hiệu quả hệ thống sản xuất, cung ứng giống cây ăn quả chất lượng, sạch bệnh cho trồng mới, tái canh và ghép cải tạo.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất giống cây trồng đóng trên địa bàn tỉnh đầu tư nâng cấp cơ sở sản xuất (Trại Thực nghiệm và Sản xuất giống cây ăn quả, cây lâm nghiệp Trông Bát, Cơ sở bảo tồn và nhân giống đặc sản cam Bù Hương Sơn, cơ sở Bảo tồn, nhân giống và phát triển bưởi Phúc Trạch...); đồng thời kêu gọi đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu giống để chọn tạo, phục tráng, khai thác nguồn gen đặc sản của tỉnh tạo ra giống mới chất lượng tốt, thích ứng với biến đổi khí hậu, sản phẩm có tính cạnh tranh.

- Kỹ thuật sản xuất: Hướng dẫn người sản xuất tuân thủ đồng bộ các biện pháp kỹ thuật theo quy trình sản xuất của từng loại cây trồng. Áp dụng đồng bộ từ khâu chọn giống đến quy trình đầu tư thâm canh, sử dụng phân bón cân đối hợp lý, ưu tiên sử dụng phân hữu cơ vi sinh, các biện pháp canh tác, tỉa cành tạo tán, kỹ thuật thụ phấn bổ sung cho bưởi, bao quả, lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm nước, canh tác trên đất dốc... để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm phục vụ tốt nhu cầu người tiêu dùng.

- Tổ chức lại các doanh nghiệp, đầu mối thu mua sản phẩm cam, bưởi trên địa bàn theo hướng trên cơ sở kêu gọi các cơ sở đầu mối thu mua hiện có đầu tư hình thành vùng sản xuất theo hướng chuỗi giá trị để xây dựng vùng nguyên liệu cùng với nâng cao giá trị của nhãn hiệu sản phẩm.

- Chú trọng xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm cây ăn quả chủ lực và cây ăn quả đặc sản hàng hóa có giá trị kinh tế cao của tỉnh. Tổ chức quản lý và phát triển các sản phẩm chỉ dẫn địa lý đã được cấp văn bằng bảo hộ, chứng nhận nhãn hàng hóa, chứng nhận OCOP (*Chỉ dẫn địa lý Bưởi Phúc*

*Trạch, Cam bù Hương Sơn, Cam Sơn Mai, Cam Thượng Lộc, Cam Vũ Quang, Cam Khe Mây, Cam Long Nhâm, Cam Bảo Phương....).*

### (3) Rau, củ, quả các loại

Định hướng đến năm 2030 diện tích sản xuất 13.780 ha, sản lượng trên 103.350 tấn.

- Đẩy mạnh tổ chức lại sản xuất ở các vùng tập trung, có truyền thống Thạch Lạc, Đông Kinh, Tùng Lộc, Can Lộc, Đồng Lộc, Hà Huy Tập, Hương Đô, Yên Hòa, Đồng Tiến,...

- Chuyển giao kỹ thuật áp dụng quy trình sản xuất thâm canh, sử dụng phân bón hữu cơ, sử dụng thuốc BVTV an toàn hiệu quả, quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp - IPHM,... nhằm tăng năng suất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm và đạt các tiêu chuẩn về ATTP, VietGAP, sản xuất hữu cơ, từng bước xây dựng thương hiệu, kết nối với thị trường, sản xuất “theo đơn đặt hàng” ổn định, hiệu quả.

- Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ trên địa bàn Hà Tĩnh đến năm 2030 theo Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh.

### (4) Cây ngô

Định hướng đến năm 2030 diện tích 14.170 ha, sản lượng đạt 7,31 vạn tấn. Sử dụng giống ngô lai năng suất, chất lượng cao, kháng sâu, chịu hạn, lạnh; thí điểm và nhân rộng giống biến đổi gen phù hợp với điều kiện sinh thái

- Ngô lấy hạt phục vụ chăn nuôi phát triển tại các xã chăn nuôi bò, hươu như Hương Sơn, Sơn Giang, Sơn Tiến, Kim Hoa, Hà Linh, Hương Bình, Hương Xuân, Thượng Đức, Đức Minh, Đức Đồng,... Thúc đẩy liên kết nhóm hộ vùng sản xuất ngô - cơ sở thương lái thu mua - đầu mối thu mua, sấy ngay từ đầu vụ sản xuất.

- Ngô sinh khối: Tiếp tục duy trì để phục vụ chăn nuôi nông hộ và mở rộng liên kết sản xuất, thu mua ngô sinh khối: Liên kết cung ứng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi với các doanh nghiệp (Công ty cổ phần sữa Việt Nam – Vinamilk,...) tại các xã Sơn Tiến, Hương Sơn và hộ chăn nuôi quy mô lớn tại các xã Hương Đô, Sơn Tiến, Sơn Giang, Hương Xuân, Thượng Đức, Mai Hoa, Vũ Quang,....

- Ngô (nếp, ngô ngọt, ngô rau) bắp thực phẩm: Định hướng ở một số xã (như: Hương Phố, Hương Khê, Hà Linh, Hương Bình, Hương Xuân, Đức Đồng, Đức Minh,...), tổ chức tập huấn kỹ thuật sản xuất tại một số vùng tập trung, bố trí linh hoạt hình thức canh tác trồng thuần hoặc xen canh, định hướng sản xuất theo quy trình sản phẩm an toàn, xây dựng thương hiệu, kết nối với các đầu mối tiêu thụ, nhất là vào các chuỗi cửa hàng, nhà hàng, trường học,...

### (5) Cây lạc, đậu, khoai lang, sắn

Cây lạc: Định hướng đến năm 2030 duy trì diện tích 5.830 ha, sản lượng đạt 15.693 tấn. Sử dụng các giống mới có năng suất, chất lượng cao và các công nghệ tiên tiến (màng phủ, các chế phẩm sinh học,...) để tăng năng suất và chất

lượng sản phẩm. Khuyến khích sản xuất lạc Thu Đông để làm giống cho vụ Xuân năm sau tại các xã Tiên Điền, Đức Minh,...

Cây đậu: Định hướng đến năm 2030 diện tích 2.430 ha, sản lượng đạt 2.402 tấn.

Cây khoai lang: Định hướng đến năm 2030 diện tích 3.050 ha, sản lượng đạt 23.313 tấn. Cơ cấu trên các vùng cao của đất 2 lúa, đất cát pha thịt nhẹ ở các xã Nghi Xuân, Tiên Điền, Đồng Tiến, Mai Phụ...

Cây sắn: Đến năm 2030 diện tích trồng sắn toàn tỉnh 2.180 ha sản lượng đạt trên 34.309 tấn. Tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 07/6/2024 về Phát triển cây sắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trọng tâm các nội dung: Ổn định diện tích trồng sắn, tập trung thâm canh tăng năng suất, sản lượng để đảm bảo đủ nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất chế biến tinh bột, chế biến thức ăn chăn nuôi và các nhu cầu khác. Sử dụng giống sắn có năng suất, hàm lượng tinh bột cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh, đặc biệt là các loại bệnh mới như bệnh khảm lá sắn, bệnh chổi rồng; áp dụng đồng bộ kỹ thuật canh tác bền vững: IPM, trồng xen canh, luân canh sắn với các cây họ đậu (lạc, đậu,..), tăng cường sử dụng phân hữu cơ, phân vi sinh nhằm cải tạo đất, áp dụng TBKT, quy trình canh tác sắn bền vững trên đất dốc.

#### (6) Hoa, cây cảnh

- Hoa các loại: hoa cúc, hoa ly, hoa lan, hoa lay ơn,... tập trung ở các xã như Toàn Lưu, Thạch Khê, Thành Sen, Nghi Xuân,... Sản xuất trong nhà màng, nhà lưới, nhà kính theo hướng ứng dụng công nghệ cao, tạo sản phẩm hàng hóa ổn định phục vụ các dịp lễ, Tết.

- Phát triển cây cảnh bonsai theo hướng tăng cường công tác đào tạo nghề nhân cho người trồng hoa cây cảnh, hình thành các làng nghề trồng hoa cây cảnh trên cơ sở tiếp tục phát huy lợi thế điều kiện tự nhiên các cây cảnh hiện có (cây đào cảnh tại xã Toàn Lưu, Cổ Đạm, Cẩm Hưng...; cây mai tại Hoàn Sơn, Kỳ Xuân, Cẩm Hưng...; cây quất tại xã Sơn Giang,...).

- Hình thành các nhà vườn ươm, trồng các loại cây cảnh quan đô thị phục vụ nhu cầu tạo cảnh quan các khu vực đô thị, khu di tích, điểm du lịch,...

- Tập trung xây dựng các mô hình để từng bước nhân rộng, chú trọng công đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng cho người trồng hoa, cây cảnh, đặc biệt đào tạo nghề nhân hoa cây cảnh.

#### (7) Cây dứa

Trên cơ sở định hướng sản xuất và chế biến dứa theo chuỗi giá trị của Công ty DOVECO và Công ty Cổ phần Nafoods, tiếp tục rà soát quỹ đất, định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất dứa, phân đầu đạt quy mô trên 3.000 ha vào năm 2030. Việc mở rộng diện tích trong thời gian tới, định hướng tập trung chủ yếu vào các hộ nông dân có điều kiện đất đai phù hợp, nhân lực và nguồn lực đáp ứng tổ chức sản xuất thâm canh bài bản, tránh tình trạng làm phong trào, phát triển ồ ạt.

Định hướng vùng sản xuất: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng cây lâu năm và chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên đất lâm nghiệp theo đúng quy định. Sản xuất áp dụng đồng bộ các giải pháp trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch sản phẩm theo quy trình kỹ thuật.

Giống dưa đưa vào sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9062:2013. Đối với sản xuất dưa có liên kết sản xuất từ khâu cung ứng giống đến thu hoạch yêu cầu đơn vị cung cấp giống phải đảm bảo chất lượng. Nguồn giống người dân tự nhân chồi cần tiếp tục tuyên truyền nâng cao năng lực cho các hộ sản xuất để giống đảm bảo chất lượng (không chọn vườn cây để giống bị nhiễm bệnh, giống đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9062:2013, xử lý giống trước khi trồng,...)

Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình tổ chức sản xuất liên kết, tiêu thụ sản phẩm.

#### (8) Chè công nghiệp

Định hướng đến năm 2030 diện tích chè công nghiệp toàn tỉnh khoảng 1.220 ha tập trung tại Sơn Kim 2, Kỳ Văn, Kỳ Thượng, Sơn Tây, Hương Đô, Vũ Quang, Sơn Giang..., diện tích cho sản phẩm khoảng 1.375ha, năng suất khoảng 128,5 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 15.090 tấn. Chỉ đạo sản xuất chè công nghiệp theo Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 17/4/2024 về Phát triển cây công nghiệp chủ lực trên địa bàn Hà Tĩnh đến năm 2030.

- Tiếp tục tập trung phát triển chuỗi chè công nghiệp liên kết giữa doanh nghiệp như Công ty Cổ phần Chè Hà Tĩnh,... với người sản xuất; áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật thâm canh, đầu tư hệ thống tưới nước tiết kiệm, cơ giới hóa, trồng cây che bóng,... nhằm tăng năng suất, chất lượng.

- Công ty Cổ phần Chè Hà Tĩnh phối hợp với các địa phương rà soát các vùng sản xuất có đủ điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn hữu cơ để định hướng đến năm 2030 phấn đấu xây dựng thành công 50-100 ha đạt tiêu chuẩn hữu cơ theo TCVN gắn với chế biến, xây dựng thương hiệu sản phẩm.

- Công ty Cổ phần Chè Hà Tĩnh rà soát một số vùng như Sơn Kim 2, Sơn Tây,... để hình thành mô hình 10-20 ha sản xuất thử nghiệm một số giống mới (giống chế biến chè xanh cao cấp Hương Bắc Sơn, VN15, Kim Tuyên; nhóm chè xanh chất lượng tốt như LCT1, PH8, CNS-831, TRI 5.0,...; nhóm giống cho chế biến chè đen chất lượng cao như TRI 5.0, PH8, CNS-831, 7 PH8,...) kết hợp kỹ thuật chăm sóc, chế biến đặc thù để tạo sản phẩm chè thực phẩm đặc trưng chè Hà Tĩnh.

#### (9) Các loại cây trồng khác

Đến năm 2030, diện tích các loại cây lâu năm khác, khoảng 16.000 ha; gồm các loại: chanh, hồng, ổi, cau, chuối, mít, thanh long, vải, nhãn, xoài,...

Tận dụng quỹ đất vườn hộ, đất cảnh quan công cộng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng để khai thác lợi thế của từng loại cây ở các tiểu vùng sinh thái, sản xuất theo quy trình kỹ thuật, khuyến khích tạo sản phẩm hàng hóa tiêu thụ trong nội vùng theo hình thức tổ chức sản xuất theo nhóm hộ, cộng đồng để chủ động kết nối thị trường.

- Cây hồng: Hồng Yên Du tiếp tục duy trì chăm sóc diện tích hiện có ở các xã Mai Hoa, Thượng Đức... Hồng Vương bố trí ở phường Hà Huy Tập, xã Đồng Lộc,... Khuyến khích nhân giống bằng phương pháp ghép, sử dụng vật liệu nhân giống từ các cây đầu dòng đã được bình tuyển để mở rộng diện tích ở các vùng có điều kiện sản xuất phù hợp.

- Cây chanh: Diện tích 1.324 ha, sản lượng 18.548 tấn. Diện tích trồng tập trung tại các xã: Mai Hoa, Kim Hoa, Đồng Lộc, Trường Lưu... và trong vườn hộ.

- Cây ổi: diện tích 600 ha, sản lượng 4.500 tấn
- Chè thực phẩm: diện tích 1.500 ha.
- Cây chuối: diện tích 2.200 ha, sản lượng 27.000 tấn
- Cây mít: diện tích 1.200 ha, sản lượng 15.000 tấn
- Cây vải: diện tích 210 ha, sản lượng 800 tấn
- Cây nhãn: diện tích 320 ha, sản lượng 1.100 tấn
- Cây xoài: diện tích 510 ha, sản lượng 1.800 tấn
- Cây thanh long: diện tích 230 ha, sản lượng 800 tấn
- Cây trồng khác: cau, na, hồng, quýt, hồng xiêm, dứa, cao su...

*(Diện tích, năng suất, sản lượng các cây trồng chủ lực chi tiết theo biểu kèm theo)*

#### **4. Giải pháp phát triển**

##### **4.1. Về lãnh đạo, chỉ đạo**

- Tập trung tuyên truyền, đa dạng hóa các hình thức, nội dung truyền thông đến các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân về vai trò, tầm quan trọng của sản xuất trồng trọt với các giá trị kinh tế, môi trường và ổn định xã hội; nâng cao nhận thức tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt; thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt; sản xuất tuần hoàn, sản xuất bền vững,...

- Thực hiện xây dựng, hoàn thiện và triển khai các cơ chế chính sách liên quan đến phát triển trồng trọt phù hợp với các quy định hiện hành; ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm như VietGAP, hữu cơ,...

- Tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện các quyết định, kế hoạch đã được UBND tỉnh ban hành như: Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 19/4/2024 về phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ; Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 17/4/2024 về Phát triển cây công nghiệp chủ lực trên địa bàn Hà Tĩnh đến năm 2030 trên địa bàn Hà Tĩnh đến năm 2030; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 07/6/2024 về Phát triển cây sắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2024 - 2030.

##### **4.2. Về quản lý nhà nước**

Thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thực thi pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật; làm tốt chức năng hỗ trợ, thúc đẩy phát triển sản xuất. Tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hiện có; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chính sách mới. Tăng cường ứng dụng, chuyển đổi số, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, quản lý điều hành nâng cao hiệu quả công tác quản lý trồng trọt,

Các đơn vị chuyên môn cần thường xuyên rà soát bổ sung các quy định về quản lý và sử dụng thuốc trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ các cấp đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước cũng như

hỗ trợ tốt cho người dân trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng, chú trọng hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học.

Kiểm tra, giám sát tại các tổ chức, cá nhân kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV, xử lý nghiêm các trường hợp không chấp hành các quy định của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật, các văn bản chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn.

#### 4.3. Về cơ chế, chính sách

- Tiếp tục triển khai thực xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu theo Nghị định 109/2018/NĐ-CP về nông nghiệp hữu cơ, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 quy định chi tiết về đất lúa và các chính sách hiện hành có liên quan.

- Đề xuất các nội dung về chính sách của tỉnh giai đoạn 2026-2030, định hướng tập trung vào những nội dung sau:

##### 1. Hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất

a) Các tổ chức, cá nhân mua máy mới (máy cấy, máy gieo hạt, khay mạ) và thiết bị làm mạ khay máy cấy; mua máy và thiết bị (máy xúc, máy nghiền, máy trộn, dây chuyền) để sản xuất giá thể làm mạ khay; có cam kết sử dụng trên địa bàn tỉnh trong thời gian tối thiểu 03 năm (36 tháng), nếu bán phải hoàn lại phần kinh phí hỗ trợ của Nhà nước, thì được hỗ trợ 50% kinh phí:

- Đối với mua mới máy và thiết bị làm mạ khay máy cấy, tối đa 300 triệu đồng/mỗi loại máy và thiết bị; trong giai đoạn 2026-2030 mỗi tổ chức, cá nhân được hỗ trợ tối đa 10 máy và thiết bị.

- Đối với mua máy móc, thiết bị để sản xuất giá thể làm mạ khay, tối đa 500 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

b) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất lúa tại các vùng tập trung có diện tích từ 03 ha trở lên khi cấy lúa bằng máy cấy được hỗ trợ kinh phí thuê làm mạ khay, cấy máy, tối đa 03 triệu đồng/ha/vụ, thời gian hỗ trợ cho 02 vụ sản xuất liên tiếp/vùng. Kinh phí hỗ trợ thông qua các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ máy cấy lúa (chủ máy).

2. Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân trồng mới dứa có hợp đồng liên kết tiêu thụ ổn định với doanh nghiệp, quy mô từ 01 ha trở lên (liền vùng hoặc trường hợp không liền vùng thì tính trong phạm vi thôn và diện tích đất trồng dứa phải đúng mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật) được hỗ trợ một lần 70% kinh phí mua giống, tối đa 35 triệu đồng/ha, tối đa 350 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

##### (5). Chính sách hỗ trợ lãi suất

Các khách hàng (bao gồm cả khách hàng đã được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất trước đây) vay vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để đầu tư phát triển

hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh) đáp ứng một trong các nội dung sau:

a) Đầu tư làm mạ khay máy cấy (máy cấy, máy gieo hạt, khay mạ), đầu tư nhà xưởng sản xuất giá thể phục vụ sản xuất mạ khay; mua máy bay không người lái (Drone) phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (bao gồm các hoạt động như phun thuốc bảo vệ thực vật, gieo sạ, giám sát cây trồng...); mua máy làm đất, mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; đầu tư hệ thống sấy nông sản.

b) Đầu tư nhà màng, nhà lưới sản xuất hoa, cây cảnh, rau củ quả quy mô 200 m<sup>2</sup> trở lên; sản xuất dưa liên kết quy mô 1 ha trở lên.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Đề án Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050.

#### 4.5. Thu gom, sử dụng phụ phẩm cây trồng

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người sản xuất thu gom, phân loại, xử lý, tái sử dụng và ứng dụng công nghệ trong sử dụng phụ phẩm cây trồng.

- Thu gom và phân loại: Thu gom phụ phẩm ngay sau khi thu hoạch để hạn chế ảnh hưởng đến vụ mùa tiếp theo. Phân loại rõ ràng, tránh để lẫn với bao bì thuốc bảo vệ thực vật hoặc rác thải vô cơ khác. Khuyến khích sử dụng máy móc, thiết bị ép nén để giảm thể tích, thuận tiện cho việc vận chuyển.

- Xử lý và tái sử dụng tại chỗ: Phụ phẩm được cày vùi trực tiếp vào đất sau khi thu hoạch để làm phân bón; sử dụng tàn dư cây trồng ép xanh theo rãnh hoặc phủ luống; che phủ phủ gốc cây trồng hoặc mặt đất; Ủ phụ phẩm thành phân compost.

- Ứng dụng công nghệ: Sử dụng chế phẩm sinh học để đẩy nhanh quá trình phân hủy. Sản xuất thức ăn chăn nuôi hoặc năng lượng sinh học từ phụ phẩm.

#### 4.6. Về hình thức tổ chức sản xuất

- Thay đổi tư duy, cách thức tổ chức sản xuất trồng trọt theo hướng tập trung vào các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm đặc sản có lợi thế của các địa phương, nâng cao hiệu quả sản xuất; tiếp tục thực hiện đồng bộ công tác dồn điền, đổi thửa, tích tụ ruộng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cùng với hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, kênh mương, đường giao thông nội đồng đáp ứng hình thành vùng sản xuất trồng trọt tập trung, quy mô lớn.

- Củng cố, phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị gắn với nhu cầu thị trường. Hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp, phát huy vai trò tổ chức sản xuất, cầu nối đem lại lợi ích cho các thành viên.

#### 4.7. Về đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất

Trên cơ sở các vùng sản xuất tập trung; cải tạo, nâng cấp, đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng điều kiện phục vụ sản xuất:

- Về thủy lợi: củng cố, phát triển hệ thống thủy lợi đa mục tiêu; tập trung đầu tư xây dựng các hệ thống thủy lợi đầu mối tạo nguồn nước phục vụ phát triển cây ăn quả, nhất là những vùng sản xuất tập trung quy mô lớn bằng các biện pháp cải tạo nâng cấp hồ đập để tích nước, hệ thống đường ống đầu mối dẫn nước đến các vườn cây ăn quả; đồng thời lắp đặt các hệ thống tưới phù hợp cho từng loại cây: tưới nhỏ giọt, tưới tự chảy, tưới vòi cao... Tiếp tục phối hợp với Quỹ Thiên Tâm - Tập đoàn Vingroup mở rộng diện tích lắp đặt hệ thống tưới tiên tiến trên cây ăn quả.

- Về giao thông: Cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng sản xuất như hệ thống đường giao thông nội vùng, hệ thống điện ... để thuận lợi áp dụng cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ trong sản xuất; lồng ghép, ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng cho phát triển gắn với cải tạo nâng cấp hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý và sử dụng nước hiệu quả; xây dựng hệ thống cảnh báo sớm thiên tai.

#### 4.8. Về bảo quản, chế biến, xúc tiến thương mại, thị trường tiêu thụ

- Về sơ sở chế biến: Thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở bảo quản chế biến sau thu hoạch, nhất là hệ thống kho lạnh bảo quản, hệ thống sấy sản phẩm; các cơ sở chế biến sâu, chế biến sau thu hoạch để nâng cao giá trị gia tăng.

- Thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo nhu cầu thị trường đối với từng loại nông sản làm căn cứ hoạch định chính sách, kế hoạch chỉ đạo, điều hành.

- Tăng cường quản lý chất lượng từ khâu giống, canh tác đến thu hoạch, bảo quản, chế biến đảm bảo sản phẩm trồng trọt đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm hàng hóa, an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng đến địa phương, doanh nghiệp, người dân về cấp và quản lý mã số vùng trồng.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, chỉ dẫn địa lý; tăng cường hoạt động kết nối các doanh nghiệp nông nghiệp trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản cho nông dân. Đổi mới các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản thông qua tổ chức các hội chợ, triển lãm, hội thảo, diễn đàn. Khuyến khích, đẩy mạnh kết nối tiêu thụ thông qua ứng dụng sản thương mại điện tử.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản ứng dụng công nghệ chế biến mới, nâng cao chất lượng hàng nông sản xuất khẩu, sản xuất các sản phẩm chế biến sâu, có thời gian bảo quản lâu, phù hợp

#### 4.9. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026

- Trên cơ sở chỉ tiêu định hướng, kế hoạch, đề án sản xuất, tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo đạt và vượt các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, sản lượng; đồng thời làm tốt công tác bố trí cơ cấu giống,

thời vụ, thu hoạch an toàn, né tránh thiên tai. Chủ động tham mưu các giải pháp chỉ đạo, bổ cứu sản xuất kịp thời trong các tình huống bất thường.

- Tiếp tục thực hiện tập trung tích tụ ruộng đất, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất và chế biến; nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất; giảm tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch; nâng cao trình độ, kỹ năng của người sản xuất trong quá trình tổ chức sản xuất và tiếp cận thị trường.

- Sản xuất trồng trọt theo hướng hàng hóa, giảm phát thải, đẩy mạnh tập trung, tích tụ ruộng đất, xây dựng và nhân rộng các mô hình cánh đồng lớn, vùng chuyên canh, liên kết chuỗi giá trị, tăng hiệu quả trên đơn vị diện tích.

- Trên cơ sở định hướng sản xuất và chế biến dựa theo chuỗi giá trị của Công ty DOVECO và Công ty Cổ phần Nafoods, tiếp tục chỉ đạo rà soát quỹ đất, định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để hình thành các vùng chuyên canh sản xuất dứa.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2035 nhằm xác định các nhóm cây ăn quả chính, có lợi thế định hướng phát triển trên địa bàn tỉnh

### **5. Nguồn kinh phí đầu tư giai đoạn 2026-2030**

- Lòng ghép các chương trình, dự án ngân sách Trung ương

- Nguồn kinh phí hỗ trợ của ngân sách tỉnh, xã.

- Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác

Thực hiện đa dạng nguồn kinh phí huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch.

### **6. Danh mục các chương trình, dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư**

(1) Xây dựng Trung tâm nghiên cứu giống cây trồng

Mục tiêu: Hình thành 01 trung tâm nghiên cứu giống cây trồng, trọng tâm là giống cây ăn quả như cam, bưởi, dứa,....

(2) Phát triển chuỗi chuỗi sản xuất, chế biến dứa, các sản phẩm cây ăn quả với các doanh nghiệp (Công ty Cổ phần Nafoods Group, Công ty CP Thực phẩm Đồng Dao,...)

(3) Sản xuất giảm phát thải trên lĩnh vực trồng trọt

Mục tiêu: Thực hiện Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Đề án Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến 2050.

(4) Đầu tư hạ tầng trên vùng quy hoạch lúa năng suất, chất lượng cao

Mục tiêu: Thực hiện theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết về đất lúa.

(5) Xúc tiến xây dựng thương hiệu gạo chất lượng cao có liên kết sản xuất tại các vùng trọng điểm về sản xuất lúa

Mục tiêu: Xây dựng chuỗi giá trị liên kết thu mua sản phẩm gạo chất lượng cao trên địa bàn, nâng cao giá trị gia tăng.

(6) Đầu tư chuỗi thu gom phụ phẩm nông nghiệp để làm nguyên liệu sản xuất viên nén, nấm, phân bón hữu cơ,...

Mục tiêu: Sử dụng hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp, sản xuất theo hướng nông nghiệp tuần hoàn, nâng cao giá trị gia tăng, góp phần bảo vệ môi trường.

(7) Phát triển nông nghiệp nông nghiệp theo hướng hữu cơ, tuần hoàn tạo hàng hoá theo chuỗi giá trị bền vững với Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm.

### **7. Nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Xây dựng Kế hoạch sản xuất nông nghiệp hằng năm, Đề án sản xuất hàng vụ để thực hiện trên địa bàn phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trên cơ sở đảm bảo phát huy lợi thế, tiềm năng của từng địa phương.

- Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân thực hiện các giải pháp sản xuất theo đúng quy trình, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng

- Xây dựng các mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, giống mới để khẳng định hiệu quả, từng bước nhân rộng trên địa bàn.

- Triển khai các chính sách của tỉnh, trung ương đảm bảo hiệu quả, đúng quy định. Bố trí ngân sách địa phương để đảm bảo việc triển khai thực hiện có hiệu quả và mục tiêu đề ra.

- Phối kết hợp với cơ quan thống kê để rà soát đánh giá diện tích, năng suất, sản lượng từng vụ, từng năm của các đối tượng cây trồng sát đúng thực tiễn. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo hàng vụ, hàng năm và từng giai đoạn theo đúng quy định.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp,... tham gia đầu tư phát triển trồng trọt trên địa bàn.

### **8. Tổ chức thực hiện**

*8.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:* Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức chính trị xã hội tổ chức triển khai, theo dõi việc thực hiện Đề án; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm và theo yêu cầu; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án.

- Hướng dẫn các địa phương, các tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu về quỹ đất để tập trung sản xuất, có quy mô, diện tích tập trung thông qua các hình thức sử dụng đất như: giao đất, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hướng dẫn thực hiện tập trung, tích tụ đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật;

- Hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và thẩm quyền quản lý.

*8.2. Sở Tài chính:* Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan căn cứ các quy định hiện hành, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách để tham mưu phương án kinh phí triển khai Đề án phù hợp với nhiệm vụ chi cấp tỉnh theo phân cấp quản lý ngân sách.

Trên cơ sở kế hoạch, cơ chế, chính sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn theo quy định.

*8.4. Sở Công Thương:* Chủ động, phối hợp các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện các chính sách khuyến công, xúc tiến thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm thuộc lĩnh vực, ngành quản lý.

*8.5. Sở Khoa học và Công nghệ*

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ lĩnh vực trồng trọt phù hợp với từng vùng sinh thái, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ nâng cao giá trị, sức cạnh tranh trên thị trường các sản phẩm trồng trọt thông qua công tác sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn sản phẩm hàng hóa.

*8.6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tĩnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội*

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân tích cực tham gia, tổ chức sản xuất trồng trọt, nhất là tăng cường liên kết sản xuất theo hướng hàng hóa gắn với tiêu thụ hình thành chuỗi, khắc phục hạn chế sản xuất nhỏ lẻ, thiếu liên kết, đẩy mạnh đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Phối hợp với các Sở, ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan nắm bắt các khó khăn, vướng mắc của các đoàn viên, hội viên, Nhân dân để kịp thời hỗ trợ giải quyết, tháo gỡ góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả, thu nhập cho người dân sản xuất.

*8.7. Ủy ban nhân dân các xã, phường*

- Xây dựng, triển khai Đề án thực hiện trên địa bàn phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch này làm cơ sở để triển khai thực hiện.

- Bố trí ngân sách để đảm bảo việc triển khai thực hiện Đề án tại địa phương đạt hiệu quả và mục tiêu đề ra; thực hiện chế độ thông tin báo cáo hàng năm và từng giai đoạn.

- Căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương, định hướng phát triển trồng trọt theo Đề án này.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp,... tham gia đầu tư phát triển trồng trọt trên địa bàn./.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Trần Hùng**